

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Phan Thị Ánh Tuyết

**PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN QUẬN BÌNH TÂN,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Phan Thị Ánh Tuyết

**PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN QUẬN BÌNH TÂN,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tổ tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. NGUYỄN VĂN ĐIỆP

HÀ NỘI - 2018

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1:NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	6
1.1.Khái niệm và ý nghĩa của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong tổ tụng hình sự Việt Nam.....	6
1.2.Các quy định về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong pháp luật tổ tụng hình sự của một số quốc gia	7
1.3.Quá trình hình thành và phát triển các quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự Việt Nam về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	13
1.4.Các nguyên tắc tổ tụng hình sự liên quan đến phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.....	19
1.5.Các quy định chung của pháp luật về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong pháp luật Tổ tụng hình sự Việt Nam	23
Chương 2:THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI QUẬN BÌNH TÂN,THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	36
2.1.Thực trạng về trình tự và thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại quận Bình Tân.....	36
2.2.Đánh giá thực trạng phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	55
Chương 3:HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	67
3.1.Các định hướng hoàn thiện pháp luật về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở nước ta hiện nay	67
3.2.Các giải pháp hoàn thiện phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.....	68
3.3. Các giải pháp khác	76
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
NCS	: Nghiên cứu sinh
TAND	: Tòa án nhân dân
TTHS	: Tố tụng hình sự

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Kết quả thụ lý, xét xử các vụ án hình sự trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (2013 – 2017).....	55
Bảng 2.3: Kết quả xét xử lưu động trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (2013 – 2017)	57

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất nước ta sau 30 năm đổi mới đã và đang đạt được nhiều thành tựu trên tất cả các mặt khoa học - công nghệ, kinh tế - xã hội và quan hệ hợp tác quốc tế, trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở nước ta hiện nay, vấn đề kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước là một yêu cầu khách quan. Đặc biệt, trước đòi hỏi của xã hội đối với ngành Tòa án, xu hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện, tư tưởng chống làm oan người vô tội được chú trọng. Tòa án phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, đồng thời là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm. Do đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Bộ chính trị đặt ra trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 là khi xét xử Tòa án chỉ có quyền phán quyết khi đã xem xét đầy đủ, công bằng và khách quan kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Phiên tòa xét xử là giai đoạn tổ tụng quan trọng thể hiện tập trung nhất và rõ nét nhất bản chất hoạt động xét xử của Tòa án. Vì thế, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã nhấn mạnh “ *Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, vai trò, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng đảm bảo tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*”.

Những năm gần đây, Thành phố Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò là một đầu tàu kinh tế, thương mại của cả nước, là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất nước và cũng là vùng động lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn Nam Bộ và cả nước theo chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quận Bình Tân – là một quận vùng ven được tách ra từ huyện Bình Chánh (cũ) của Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2004, có vị trí địa lý là cầu nối giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh miền Tây

(Bến xe Miền Tây) có tốc độ phát triển kinh tế vượt bậc trong những năm qua. Về cấu trúc nền kinh tế quận Bình Tân với nhiều khu công nghiệp như khu công nghiệp Tân Tạo, Công ty Pouyen, khu công nghiệp Vĩnh Lộc... thu hút nhiều lao động nhập cư từ các tỉnh thành về sinh sống và làm việc, đồng thời thu hút nhiều thành phần kinh tế, dịch vụ bổ trợ. Song song với sự phát triển của xã hội ấy, điều đáng nói chính là tình hình tội phạm của quận Bình Tân cũng diễn biến ngày càng phức tạp và có chiều hướng gia tăng, hầu hết các vụ án đã được đưa ra xét xử với sự đổi mới về thủ tục xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và theo tinh thần cải cách tư pháp của Bộ chính trị. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thể hiện được tính khách quan, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của cả Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Phiên tòa đã thể hiện được tính dân chủ, bình đẳng giữa người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong việc đưa ra chứng cứ, bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình. Hội đồng xét xử cũng đã dành khoảng thời gian thỏa đáng cho các bên tranh luận để xác định sự thật khách quan của vụ án. Các phán quyết của Tòa án đã đảm bảo xét xử công bằng, đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật; không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và càng ngày số lượng án bị hủy, sửa giảm.

Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nói riêng và pháp luật tố tụng hình sự nói chung, quá trình giải quyết vụ án hình sự sơ thẩm có nhiều chuyển biến tích cực góp phần nâng cao chất lượng xét xử thì bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế: phiên tòa xét xử hình sự đòi hỏi phải bảo đảm tính tranh tụng nhưng: các quy định về trình tự, thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa chưa thống nhất với các nguyên tắc cũng như điều kiện khác trong Bộ luật tố tụng hình sự; kỹ năng điều khiển phiên tòa của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế; việc xét hỏi, tranh luận còn mang tính hình thức,....

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, việc đổi mới tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một trong những vấn đề hết sức quan trọng cần nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn. Nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, tác giả chọn vấn đề

“Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh” làm đề tài luận văn Thạc sỹ luật học tại Học viện khoa học xã hội Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi thấy phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là vấn đề đã có nhiều bài viết, công trình nghiên cứu ở nhiều góc độ, nhiều khía cạnh với phạm vi khác nhau. Chẳng hạn như: “ Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục phiên tòa sơ thẩm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp” của TS. Hoàng Thị Minh Sơn (Tập chí Luật học số 10/2009); “ Cần sửa đổi bổ sung một số thủ tục tố tụng hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp” của Ths. Nguyễn Văn Trọng (Tập chí Tòa án nhân dân số 6/2010); Luận văn thạc sỹ luật học – Học viện khoa học xã hội Việt Nam năm 2009, “ Thủ tục xét xử sơ thẩm theo Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam và hoàn thiện theo tinh thần cải cách tư pháp của nước ta” của tác giả Nguyễn Thị Thủy; “ Về hình thức tổ chức và thủ tục xét xử của phiên Tòa hình sự” của Thạc sỹ Đinh Quế; Luận án tiến sỹ luật học “ Xét xử sơ thẩm trong Tố tụng hình sự Việt Nam” của NCS Võ Thị Kim Oanh... Ngoài ra, còn có nhóm giáo trình và sách chuyên khảo về lĩnh vực này.

Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào về thực trạng tổ chức phiên Tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành để tìm ra những nguyên nhân dẫn đến hạn chế và phương hướng hoàn thiện.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu có tính hệ thống các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 về trình tự, thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ đó đối chiếu với thực trạng phiên tòa xét xử sơ thẩm từ thực tiễn Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tìm ra những tồn tại, hạn chế trong việc tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở nước ta.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Qua nghiên cứu thực trạng phiên tòa xét xử sơ thẩm tại Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm ra những hạn chế, tồn tại và những quy định không

còn phù hợp, từ đó đề xuất một số phương hướng góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hiện hành và một số giải pháp khác nhằm nâng cao chất lượng xét xử đáp ứng theo yêu cầu cải cách tư pháp, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, nâng cao chất lượng xét xử các phiên tòa hình sự, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Từ đó xác định nhiệm vụ nghiên cứu là:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam.

- Thực trạng phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Các giải pháp hoàn thiện phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong phạm vi là một luận văn thạc sỹ luật học thuộc chuyên ngành Luật hình sự, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề chung mang tính lý luận và thực tiễn liên quan đến trình tự, thủ tục tố tụng và cách thức tổ chức từ khi khai mạc cho đến khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về Nhà nước và pháp luật làm nền tảng và kim chỉ nam cho việc nghiên cứu đề tài.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm sáng tỏ những nội dung trong đề tài, ngoài các phương pháp nghiên cứu truyền thống như phương pháp duy vật biện chứng, so sánh, diễn dịch, phân

tích và tổng hợp thì tác giả còn sử dụng thêm các phương pháp tổng kết kinh nghiệm, phương pháp thống kê.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu cũng như đề xuất trong luận văn góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cho những người làm công tác thực tiễn xét xử, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo hữu ích cho những ai quan tâm, nghiên cứu pháp luật nói chung, pháp luật tố tụng hình sự nói riêng mà đặc biệt là những quy định về phiên tòa trong Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được cơ cấu thành 3 chương

- **Chương 1:** Những vấn đề lý luận và pháp luật về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam

- **Chương 2:** Thực trạng phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Chương 3:** Hoàn thiện phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong tổ tụng hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong tổ tụng hình sự Việt Nam

Trong tổ tụng hình sự Việt Nam, hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được coi là giai đoạn trung tâm của quá trình tổ tụng bởi lẽ “*không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”. Vậy, để xác định một người có tội và phải chịu hình phạt hay không đòi hỏi phải đưa họ ra xét xử trước phiên tòa, mà trước hết là ở phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa, sau khi căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác Hội đồng xét xử sẽ ra bản án, quyết định xác định có hành vi phạm tội hay không, người thực hiện hành vi phạm tội, hình phạt được áp dụng đối với người thực hiện hành vi phạm tội và giải quyết các vấn đề khác có liên quan trong vụ án hình sự. Như vậy, “*xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là xét xử ở cấp thứ nhất do Tòa án có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự*”.

Theo từ điển Tiếng Việt của tác giả Vũ Chắt được nhà xuất bản Thanh niên ấn hành năm 2011, định nghĩa phiên tòa “*là ngày Tòa nhóm họp để xử án*”, hay theo tác giả Vĩnh Tịnh thì phiên tòa: “*lần Tòa họp để xử án: phiên tòa đại hình*” [từ điển tiếng Việt, trang 868, Nhà xuất bản Lao động năm 2006]. Như vậy, về cơ bản khái niệm phiên tòa được nhiều tác giả, nhà nghiên cứu có cùng chung quan điểm đó là ngày tòa mở ra để xét xử một vụ án cụ thể nào đó.

Do đó, chúng ta có thể hiểu “Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là ngày Tòa mở ra để xét xử vụ án hình sự ở cấp đầu tiên nhằm xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ các tài liệu của vụ án hình sự trên cơ sở đó ra bản án, quyết định xác

định có hành vi phạm tội hay không, người thực hiện hành vi phạm tội, hình phạt được áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội và giải quyết các vấn đề khác có liên quan trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự”.

1.1.2. Ý nghĩa của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong Tố tụng hình sự Việt Nam

Phiên tòa là giai đoạn trung tâm thể hiện rõ nhất, đầy đủ nhất bản chất quá trình tố tụng nói chung và xét xử nói riêng. Phiên tòa có sự tham gia đầy đủ của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng với địa vị pháp lý được xác định. Thông qua phiên tòa, bằng thủ tục trực tiếp, công khai, qua nghe ý kiến và đề xuất của các bên tham gia tố tụng, Tòa án tiến hành xác định sự thật khách quan của vụ án và ra các phán quyết giải quyết vụ án một cách đầy đủ, chính xác, đúng pháp luật góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản của tổ chức, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Thông qua phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, những người tham dự phiên tòa cũng như mọi công dân hiểu biết thêm về pháp luật, về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, để từ đó có ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống, củng cố thêm niềm tin vào chế độ, vào các cơ quan thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, thông qua phiên tòa xét xử trực tiếp công khai, chúng ta có thể đánh giá được trình độ nghiệp vụ của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phục vụ cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ và giữ gìn trật tự kỷ cương của xã hội, xử lý nghiêm minh các hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đảm bảo mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, góp phần vào việc xây dựng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

1.2. Các quy định về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự của một số quốc gia

Nghiên cứu và tham khảo các mô hình tố tụng trên thế giới chúng ta thấy, mỗi mô hình tố tụng phụ thuộc vào truyền thống pháp luật của mỗi quốc gia. Hiện

nay, có nhiều cách phân loại mô hình tố tụng hình sự khác nhau do cách tiếp cận vấn đề và lựa chọn tiêu chí phân loại khác nhau. Hơn nữa, cùng một mô hình tố tụng hình sự nhưng có sự thể hiện, vận dụng khác nhau ở mỗi nước. Do đó, chung quy lại thì pháp luật của các nước trên thế giới đã và đang tồn tại các dạng mô hình tố tụng hình sự đặc trưng và chủ yếu, đó là mô hình tố tụng tranh tụng, mô hình tố tụng thẩm vấn và mô hình tố tụng pha trộn.

1.2.1. Quy định về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự nước ngoài theo mô hình tố tụng hình sự tranh tụng

Các nước theo hệ thống pháp luật án lệ hay còn gọi các nước thuộc hệ thống pháp luật Anh – Mỹ (Common Law), có mô hình tố tụng tranh tụng. Kiểu tố tụng tranh tụng là hình thức tố tụng mà trong đó có sự phân định rõ rệt ba chức năng buộc tội, gỡ tội, xét xử. Ba chức năng này chỉ thực sự bắt đầu tại phiên tòa sơ thẩm. Tại đây, với sự tham gia của các chủ thể bên buộc tội (Công tố viên, người bị hại), bên bào chữa (người bào chữa, bị cáo) và các chủ thể khác dưới sự điều khiển của “*Người trọng tài lạnh lùng*” - Tòa án (Thẩm phán) để quan sát sự tuân thủ quy tắc cuộc đấu của hai bên và quyết định bên nào sẽ thắng. Việc đánh giá chứng cứ phụ thuộc vào niềm tin nội tâm của Thẩm phán khi Thẩm phán dựa vào tiêu chí hợp lệ của chứng cứ, “*khuôn mẫu chứng cứ*”. Còn giai đoạn trước khi mở phiên tòa được xem là giai đoạn tiền tố tụng, do các bên tiến hành một số hoạt động để chuẩn bị cho cuộc tranh tụng tại phiên tòa. Trong hình thức tố tụng tranh tụng, chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật được giao cho Tòa án. Với tư cách là trung tâm của cơ quan tư pháp, của hoạt động tố tụng, Tòa án có quyền và có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện để các bên thực hiện chức năng của mình, nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật. Mặc dù có những ưu điểm, song hình thức tố tụng mang tính “*đối trọng*” này cũng bị phê phán là xa rời thực tế, “*việc con người bị phán xét như thế nào dường như quan trọng hơn việc xác định xem bị cáo đã làm gì trên thực tế*”. Kiểu tố tụng này được các nước Anh, Mỹ, Úc, Canada... áp dụng. Tác giả xin được lựa chọn phiên tòa xét xử sơ thẩm trong mô hình tố tụng Hợp chúng quốc Hoa Kỳ để phân tích những đặc trưng điển hình của mô hình tố tụng tranh tụng.

Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Hoa Kỳ được tiến hành theo trình tự, thủ tục gồm 04 bước như sau:

Thủ tục mở phiên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự: Chính phủ đại diện bởi Công tố viên, và bị can đại diện bởi Luật sư bào chữa, là các bên duy nhất trong giai đoạn xét xử. Ở đầu giai đoạn này, trước khi lên danh sách bồi thẩm đoàn, Tòa án sẽ giải quyết bất cứ vấn đề sơ bộ nào do Công tố viên và Luật sư bào chữa nêu ra hoặc Tòa án có thể tổ chức phiên điều trần lấy chứng cứ. Sau khi các vấn đề sơ bộ được giải quyết, các ứng viên được đưa vào phòng xử án, Tòa án và các bên sẽ trực tiếp chọn ra 12 người làm bồi thẩm đoàn. Sau khi danh sách được lập ra, các bồi thẩm sẽ phải tuyên thệ. Thông thường, tất cả các nhân chứng, kể cả bị hại không được vào phòng xử án. Sau đó, Tòa án sẽ hướng dẫn sơ bộ cho bồi thẩm đoàn, giới thiệu luật sư của hai bên, đọc tóm tắt cáo buộc hình sự, giải thích quy trình xét xử và nhắc nhở bồi thẩm đoàn không được nói với bất kỳ ai về vụ án.

Thủ tục chất vấn, đối tụng trước tòa: Mở đầu là Công tố viên trình bày luận cứ và chứng cứ sẽ chứng minh hành vi phạm tội bị cáo buộc và bị đơn có tội ra sao, tiếp theo là phần lấy chứng cứ (phần chất vấn bắt đầu). Công tố viên và Luật sư là hai đối tượng tham gia chính trong phần này, Thẩm phán sẽ giải quyết bất cứ vấn đề pháp lý nào được Công tố viên và Luật sư bào chữa đưa ra. Các bồi thẩm thường phải ngồi bị động trong suốt phần lấy chứng cứ cũng như trong cả phiên tòa, họ không được đặt bất cứ câu hỏi nào. Giai đoạn này, bị cáo, nạn nhân không có vai trò gì đáng kể; Phần lấy chứng cứ bắt đầu bằng nội dung trình bày của bên buộc tội. Công tố viên quyết định nhân chứng sẽ được triệu tập và thứ tự xuất hiện khai báo. Từng nhân chứng của chính phủ sẽ lần lượt đưa ra lời khai, sau khi nhân chứng tuyên thệ sẽ nói sự thật, Công tố viên tiến hành “trực vấn” (hỏi cung) nhân chứng. Luật sư có quyền phản đối và Thẩm phán có thể chấp thuận hoặc bác bỏ yêu cầu này của Luật sư. Sau khi công tố viên hoàn tất phần “hỏi cung trực tiếp” nhân chứng, ngay lập tức Luật sư có cơ hội “chất vấn chéo” hoặc có thể chọn cách từ bỏ việc này. Công tố viên và Luật sư có quyền đặt câu hỏi bổ sung cho nhân chứng khi “tái trực vấn”. Kết thúc phần xét hỏi bổ sung, Luật sư sẽ tham gia bào chữa nhằm chứng minh sự vô tội cho bị cáo.

Thủ tục lập luận cuối cùng trước tòa: Lời biện minh cuối cùng “quy trình lập luận” được giới hạn trước bồi thẩm đoàn của Công tố viên và Luật sư. Bị cáo, nạn nhân, nguyên đơn dân sự và bị đơn dân sự không có quyền này. Thủ tục ở phần này không phức tạp. Công tố viên sẽ trình lên bồi thẩm đoàn lập luận cuối cùng đầu tiên, tiếp theo Luật sư sẽ trình lên bồi thẩm đoàn lập luận cuối cùng của mình. Sau đó, Công tố viên sẽ trình lên bồi thẩm đoàn lập luận bác bỏ. Cuối cùng là Thẩm phán đọc chỉ dẫn của mình cho bồi thẩm đoàn, sau đó bồi thẩm đoàn vào phòng nghị án.

Thủ tục Nghị án, tuyên án và hồ sơ vụ án lưu tại Tòa án: Nghị án chỉ được tiến hành trong phòng kín do 12 bồi thẩm đoàn thực hiện, phần nghị án phải được giữ bí mật tới khi phiên tòa kết thúc. Kết thúc phần nghị án thì Thẩm phán tuyên án và đem lưu hồ sơ vụ án tại Tòa án.

1.2.2. Quy định về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự nước ngoài theo mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn

Phiên tòa trong hình thức Tố tụng thẩm vấn không phải là sự tranh tụng giữa các bên đối lập mà là tiếp tục quá trình điều tra (thẩm vấn). Các bên có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Tại phiên tòa, (Thẩm phán) – chủ tọa phiên tòa là người hỏi chính, giữ vai trò chủ đạo, điều khiển mọi hoạt động diễn ra tại phiên tòa, Công tố viên và Luật sư chỉ hỏi những điểm còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn. Các bên phải cung cấp các chứng cứ thích hợp cho Tòa án. Các Thẩm phán sẽ triệu tập và kiểm tra một cách toàn diện các nhân chứng và chứng cứ của vụ án. Theo cách này, Tố tụng thẩm vấn quan niệm rằng “sự thật có thể và phải được tìm ra trong quá trình thẩm vấn, điều tra”. Sở dĩ như vậy là vì ở đây, nghĩa vụ chứng minh thuộc về Tòa án. Điều này một mặt, đảm bảo khả năng kiểm soát tình hình tội phạm từ phía Nhà nước, nhưng mặt khác, dễ làm tổn thương đến lợi ích cá nhân, nhất là người bị hại và những người thân thích của họ. Việc giao toàn bộ trách nhiệm chứng minh cho các cơ quan và người tiến hành tố tụng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành các hoạt động tố tụng, nhưng cũng dễ ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng và công khai của tố tụng. Mô hình tố tụng này thường được

các nước theo truyền thống luật lục địa (Civil Law) áp dụng. Đại diện tiêu biểu cho các nước mang đặc trưng của mô hình tổ tụng thẩm vấn là Cộng hòa Pháp.

Hệ thống Tòa án xét xử ở Pháp gắn với thẩm quyền các loại tội. Tương ứng với mỗi loại tội có tòa án xét xử riêng. Tội vi cảnh (loại tội ít nghiêm trọng) được xử ở Tòa vi cảnh; khinh tội (mức hình phạt đến 10 năm tù) được xử ở Tòa tiểu hình; còn trọng tội (mức hình phạt trên 10 năm, chung thân) được xử ở Tòa đại hình.

Đối với phiên tòa xét xử tại tòa Tiểu hình: thành phần gồm một Chánh tòa và hai Thẩm phán. Chánh tòa là người giữ vai trò chính trong việc hướng dẫn xét xử. Việc buộc tội do Viện trưởng hoặc viện phó Viện công tố đệ trình lên tòa. Trong quá trình xét hỏi khi cần thiết, chủ tọa có thể cho những người tham gia tố tụng xem các vật chứng và nghe lời nhận xét của họ. Sau khi chứng cứ được xuất trình đầy đủ, chủ tọa phiên tòa đề nghị các bên nguyên đơn dân sự, Công tố viên, Luật sư biện hộ đưa ra các yêu cầu. Quá trình này luôn được bắt đầu bằng việc Công tố viên đề xuất mức hình phạt cho bị cáo. Luật sư biện hộ và bị cáo được quyền nói lời sau cùng xin giảm nhẹ mức hình phạt. Sau đó, Tòa án sẽ tạm nghỉ để thảo luận riêng trước khi ra bản án. Phán quyết có thể được đưa ra ngay sau khi thảo luận hoặc được bảo lưu nhưng phải thông báo công khai tại phiên tòa.

Đối với phiên tòa xét xử tại Tòa đại hình: Thành phần xét xử gồm một đoàn bồi thẩm do 9 thành viên được chọn ra một cách ngẫu nhiên từ danh sách cử tri. Bắt đầu phiên tòa, Chánh tòa tiến hành thủ tục nhận dạng bị cáo và giải thích tóm tắt các trình tự, thủ tục tại phiên tòa. Thủ tục chọn đoàn bồi thẩm được tiến hành sau đó (bị cáo có quyền chọn 05 người và bên công tố có quyền chọn 04 người), bồi thẩm viên được lựa chọn phải tuyên thệ. Các nhân chứng được yêu cầu xưng tên và lui ra ngoài phòng xử án. Thư ký tòa án đọc bản luận tội. Ngay sau đó, Chánh tòa thẩm vấn bị cáo nhưng không được biểu lộ ý kiến của mình về tội trạng của bị cáo. Chánh tòa cũng nhấn mạnh với đoàn bồi thẩm về sức mạnh, độ tin cậy của chứng cứ. Các bồi thẩm viên có quyền lựa chọn việc đặt ra các câu hỏi. Luật sư biện hộ và bị cáo được quyền nói lời sau cùng xin giảm nhẹ mức hình phạt. Sau đó, bồi thẩm đoàn lui vào phòng nghị án để cùng nhau cân nhắc, xem xét và quyết định vụ án.

1.2.3. Quy định về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự nước ngoài theo mô hình tố tụng pha trộn

Mô hình tố tụng hình sự pha trộn là cách thức tổ chức hoạt động tố tụng hình sự ở một quốc gia cụ thể trong đó có sự kết hợp, đan xen lẫn nhau các yếu tố đặc trưng của mô hình thẩm vấn và mô hình tranh tụng. Sự kết hợp này theo tỷ lệ như thế nào phụ thuộc vào sự lựa chọn của nhà lập pháp hoặc là kết quả tác động của các điều kiện khách quan lịch sử, văn hóa, chính trị, kinh tế, truyền thống pháp lý của quốc gia đó. Trong kiểu tố tụng này, ở giai đoạn trước khi xét xử (khởi tố và điều tra) các hoạt động tố tụng hầu như được tiến hành bí mật, hạn chế sự tham gia của những người có liên quan, bị can hầu như bị tách khỏi quá trình tố tụng... Tuy nhiên, ở giai đoạn xét xử, phiên tòa được tiến hành công khai, quyền bình đẳng trước phiên tòa và quyền bào chữa của bị cáo được đảm bảo, các bên buộc tội và bào chữa có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc đưa ra những chứng cứ và những yêu cầu, lúc này Tòa án đóng vai trò là người trọng tài đảm bảo cho các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Hình thức này xuất hiện lần đầu tiên trong pháp luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Pháp 1808, sau đó được phát triển mạnh mẽ trong pháp luật tố tụng hình sự của các nước theo truyền thống luật lục địa như Đức, Áo, Italia, Bỉ, Trung quốc, Việt Nam...

Hiện nay, có hai quan điểm về mô hình tố tụng hình sự Việt Nam. Quan điểm thứ nhất cho rằng mô hình tố tụng hình sự Việt Nam là mô hình thẩm vấn. Quan điểm thứ hai cho rằng mô hình tố tụng hình sự Việt Nam là mô hình pha trộn. Qua tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển tố tụng hình sự ở nước ta, tác giả nhận thấy tố tụng hình sự Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều của kiểu tố tụng hỗn hợp (pha trộn), đã tiếp thu những nhân tố tích cực của hai mô hình tố tụng hình sự tranh tụng và thẩm vấn. Nó vừa có những đặc điểm của mô hình tố tụng thẩm vấn, cụ thể Tòa án nghiên cứu hồ sơ trước khi mở phiên tòa xét xử và có vai trò tích cực trong quá trình xét hỏi (dấu hiệu mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn) và vừa có đặc điểm của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng, thể hiện rõ nhất ở giai đoạn tranh luận tại phiên tòa, vì ở giai đoạn này đã có sự tranh tụng công khai, bình

đăng về địa vị tham gia tố tụng của các chủ thể tham gia phiên tòa. Nghĩa là bên buộc tội có quyền gì thì bên bào chữa cũng có quyền tương tự (dấu hiệu của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng).

1.3. Quá trình hình thành và phát triển các quy định của pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự .

1.3.1. Quy định của Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến trước pháp điển lần thứ nhất (1988)

Ngay sau khi Cách mạng tháng 8 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, bên cạnh Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/1/1946 quy định về tổ chức của Tòa án và ngạch Thẩm phán thì Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về tổ chức và hoạt động của Tòa án tư pháp bên cạnh Tòa án binh, Tòa án quân sự, điển hình như Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/4/1946 quy định thẩm quyền của các tòa án và sự phân công giữa các nhân viên trong tòa án; Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 quy định về cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng; Nghị định số 32 – NĐ ngày 6/4/1952 của Bộ tư pháp quy định thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong đó xác định Tòa án nhân dân huyện có thẩm quyền xét xử sơ thẩm hoặc xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm một số loại án.

Do thời kỳ này nhà nước ta chưa ban hành các văn bản quy định về trình tự, thủ tục tố tụng hình sự nói riêng nên các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử hình sự rất đơn giản và được quy định rải rác trong các văn bản quy phạm pháp luật nói trên. Về cơ bản, thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm được quy định như sau: tại Tòa án sơ cấp khi xét xử chỉ có một Thẩm phán và lục sự giữ bút ký (ghi chép biên bản). Tại các phiên tòa này, thủ tục phiên tòa tiến hành như thế nào lại không được đề cập; tại Tòa án đệ nhị cấp nếu xử việc tiểu hình ngoài Chánh án còn có thêm hai Phụ thẩm nhân dân góp ý kiến. Các Phụ thẩm không được xem hồ sơ trước phiên tòa nhưng trong phiên tòa có quyền yêu cầu Chánh án hỏi thêm các bị can và cho biết giấy tờ ở hồ sơ; tại phiên tòa xử việc đại hình, sau khi nghe các bị can (bị cáo), các người chứng, cáo trạng của ông biện lý và sau cùng nghe lời cãi của các bị can, ông Chánh án, hai Thẩm phán và hai Phụ thẩm lui vào phòng nghị án để cùng xét xử về tất cả các vấn đề thuộc về tội trạng và trường hợp giảm

tội. Những vấn đề bàn trong phòng nghị án được giải quyết theo đa số. Một người không biểu quyết sẽ coi như là đã có ý kiến có lợi cho bị can. Nghị án xong, Tòa họp lại và Chánh án tuyên đọc công khai bản án. Tại phiên tòa, khi cuộc thẩm vấn xong rồi, Biện lý (là một thành viên của Tòa án), thay mặt xã hội buộc tội bị can, sau đó bị can được nói lời sau cùng trước khi Tòa tuyên án, Tòa không bắt buộc phải xử theo yêu cầu của Biện lý.

Như vậy, tuy những quy định về thủ tục xét xử sơ thẩm còn rất sơ khai nhưng cũng đã cho thấy vị trí quan trọng của Thẩm phán, Chánh án trong việc xét xử. Chánh án, Thẩm phán là người được tiếp cận trước với hồ sơ vụ án, là người điều khiển phiên tòa, chủ động thực hiện các thủ tục tố tụng tại phiên tòa, là người quyết định tội danh và hình phạt. Thủ tục phiên tòa tuy không thấy rõ vai trò của Thẩm phán trong việc xét hỏi, thẩm vấn nhưng cũng không thể hiện đậm nét sự tranh luận giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Việc buộc tội và bào chữa dường như được diễn ra theo một trình tự trước, sau và kết thúc ngay khi bên bào chữa chấm dứt lời “cãi”, không có sự đáp trả, đối đáp qua lại giữa các bên.

Kể từ năm 1960 đến trước khi ban hành Luật tố tụng hình sự năm 1988 thì thủ tục xét xử sơ thẩm được quy định trong Hiến pháp năm 1959, 1980; Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 1960, 1981; các bản đề án về trình tự xét xử sơ thẩm về hình sự; Thông tư số 16/TATC ngày 27/9/1994 của Tòa án nhân dân Tối cao. Theo đó trình tự xét xử tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự được tiến hành theo các bước sau:

Thứ nhất, chuẩn bị cho việc xét hỏi bao gồm các công việc: Thư ký tòa án kiểm tra những người có mặt và phổ biến nội quy phiên tòa; chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa, hỏi căn cước bị cáo và những người liên quan đến việc xét xử, giới thiệu Hội đồng xử án, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa... giải thích quyền và nghĩa vụ của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử giải quyết thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân (nếu có).

Thứ hai, xét hỏi tại phiên tòa được tiến hành theo trình tự: mở đầu xét hỏi chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên đọc bản cáo trạng. Sau đó, Tòa án tiến hành xét hỏi bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có trách nhiệm bồi thường,

người có tài sản, quyền lợi liên quan đến việc phạm pháp, giám định viên, nhân chứng, kết hợp với việc đưa ra xem xét vật chứng và hỏi những người có liên quan về vật chứng đó. Phương pháp xét hỏi là sau khi Hội đồng xử án hỏi xong một việc thì chủ tọa phiên tòa hỏi đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa có hỏi thêm gì hay không. Trình tự xét hỏi là chủ tọa phiên tòa hỏi trước, các Hội thẩm nhân dân hỏi sau. Tuy nhiên, ngay cả khi Tòa án đang xét hỏi thì đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa có thể yêu cầu Hội đồng xử án cho hỏi những vấn đề cần hỏi ngay. Sau khi Hội đồng xử án, đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa hỏi xong một bị cáo, Chủ tọa phiên tòa cần hỏi những người tham gia tố tụng xem có muốn hỏi thêm bị cáo về vấn đề gì hay không. Sau đó, quay lại hỏi bị cáo xem có muốn hỏi thêm người vừa được hỏi vấn đề gì nữa hay không. Khi nhận thấy việc xét hỏi đã đầy đủ, Chủ tọa phiên tòa hỏi đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, và những người tham gia tố tụng khác xem họ có đề nghị hỏi thêm vấn đề gì hay không. Nếu không ai yêu cầu hoặc xét thấy việc hỏi thêm về vấn đề có người yêu cầu là không cần thiết, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc xét hỏi.

Thứ ba, tranh luận tại phiên tòa: đầu tiên là người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có trách nhiệm bồi thường, người có tài sản, quyền lợi liên quan đến việc phạm pháp trình bày những lý lẽ về vấn đề có liên quan đến quyền lợi của mình; đại diện Viện kiểm sát trình bày kết luận của mình về vụ án; Bị cáo tự bào chữa, nhưng nếu bị cáo có người bào chữa thì ngay khi người này trình bày lời bào chữa, bị cáo có quyền phát biểu bổ sung; những người tham gia tranh luận đáp lại những ý kiến mà mình không đồng ý. Mỗi người chỉ được trả lời ý kiến của bên kia một lần về mỗi vấn đề còn có ý kiến khác nhau, trừ trường hợp được chủ tọa phiên tòa cho phép hỏi thêm. Tòa án có thể quyết định quay lại phần xét hỏi nếu khi tranh luận phát hiện ra những vấn đề cần hỏi thêm, xét hỏi xong lại tiếp tục tranh luận. Sau khi các bên đã phát biểu ý kiến, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc tranh luận và cho bị cáo nói lời cuối cùng.

Thứ tư, nghị án và tuyên án: chỉ Hội đồng xử án mới có quyền nghị án, những người khác không được tham gia. Trình tự nghị án được tiến hành như sau:

chủ tọa phiên tòa nêu lên từng vấn đề để Hội đồng xử án thảo luận và quyết định. Hội thẩm phát biểu ý kiến trước, Thẩm phán phát biểu ý kiến sau. Hội đồng xử án quyết định theo đa số. Nếu có người đưa ra ý kiến khác ý kiến đa số, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải lập biên bản ghi lại ý kiến đó. Người có ý kiến thiểu số có thể trình bày viết các ý kiến của mình và lưu vào trong hồ sơ vụ án. Kết thúc nghị án, Hội đồng xử án có thể ra bản án hoặc quyết định.

Các quy định về thủ tục xét xử sơ thẩm nêu trên phản ánh chế độ tố tụng kiểu xét hỏi áp dụng tại Việt Nam trong thời kỳ này. Rất nhiều những quy định về thủ tục xét xử sơ thẩm sau này được chính thức pháp điển hóa trong các văn bản pháp luật tố tụng do Quốc hội ban hành như Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, Bộ luật tố tụng năm 2003 và Bộ luật tố tụng năm 2015 hiện hành.

1.3.2. Quy định của Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ sau pháp điển lần thứ nhất cho đến nay

Kế thừa và phát triển pháp luật tố tụng hình sự của Nhà nước ta từ sau Cách mạng tháng 8, trên nền tảng tư tưởng lấy dân làm gốc, với tinh thần đổi mới trên mọi mặt của đời sống xã hội, Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 ra đời (có hiệu lực từ ngày 01 -01 -1989) quy định cụ thể trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng... nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, góp phần bảo vệ Chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền, nghĩa vụ của công dân, giáo dục công dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và tôn trọng quy tắc của cuộc sống.

Giai đoạn xét xử tại phiên tòa là giai đoạn hết sức quan trọng của toàn bộ trình tự tố tụng hình sự, đây là giai đoạn mà Tòa án thẩm tra lại toàn bộ chứng cứ, lắng nghe tranh luận và cuối cùng quyết định xử lý đối với vụ án. Do đó, việc xét xử phải chính xác và phải có tác dụng giáo dục đối với những người khác. Chính vì vậy mà Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 đã dành tới 5 Chương, 45 Điều luật để quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Ngoài những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên tòa từ Điều 160 đến Điều 174 thì trình tự, thủ tục tại phiên tòa được quy định như sau:

- *Thủ tục bắt đầu phiên tòa:* Khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án, mọi người trong phòng xử án đều phải đứng dậy; Sau khi ổn định, chủ tọa phiên tòa đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, yêu cầu thư ký báo cáo danh sách những người được Tòa án triệu tập có mặt hay vắng mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử hội ý và quyết định hoãn phiên tòa hay tiến hành xét xử. Sau đó, chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước của bị cáo, người được triệu tập đến phiên tòa để xét hỏi và giải thích cho họ biết quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa, hỏi bị cáo xem đã nhận được bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hay chưa, giới thiệu thành phần hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký tòa án. Hội đồng xét xử sẽ thảo luận và thông qua tại phòng nghị án để giải quyết mọi vấn đề phát sinh tại phiên tòa (Trước đây tại bản hướng dẫn trình tự tố tụng sơ thẩm về hình sự kèm theo Thông tư số 16 – TATC ngày 27/9/1994 của Tòa án nhân dân Tối cao gọi phần này là phần “ Chuẩn bị cho việc xét hỏi”.

- *Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa:* Sau khi tiến hành xong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần thủ tục chuyển sang phần xét hỏi. Trước khi tiến hành xét hỏi, chủ tọa phiên tòa báo cho các bị cáo đứng dậy và yêu cầu Kiểm sát viên đọc bản cáo trạng. Sau khi Kiểm sát viên đọc xong cáo trạng thì trình tự xét hỏi sẽ là chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm nhân dân, sau đó đến Kiểm sát viên và cuối cùng là người bào chữa. Những người tham gia phiên tòa có quyền đề nghị với chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Phần xét hỏi chỉ có thể kết thúc khi nào Hội đồng xét xử thấy mọi tình tiết của vụ án đã được làm sáng tỏ tại phiên tòa và có căn cứ để có thể quyết định xử án thì chủ tọa phiên tòa quay sang hỏi Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia phiên tòa xem họ có yêu cầu xét hỏi vấn đề gì nữa không? Nếu có người yêu cầu và xét thấy yêu cầu đó là cần thiết thì chủ tọa phiên tòa quyết định tiếp tục việc xét hỏi. Nếu không có người yêu cầu hỏi thêm vấn đề gì nữa thì chủ tọa phiên tòa kết thúc phần xét hỏi và chuyển sang phần tranh luận.

- *Phần tranh luận*: Những người tham gia phiên tòa được phát biểu khi tranh luận theo thứ tự và nội dung như sau: Sau khi kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội danh nhẹ hơn; Tiếp theo đến lượt bị cáo trình bày lời tự bào chữa căn cứ vào bản cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên. Nếu bị cáo có người bào chữa thì người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo và bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa cho mình; kế tiếp là những người tham gia phiên tòa khác như người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự... trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình. Nếu qua tranh luận, mà xét thấy cần xem xét thêm chứng cứ thì Hội đồng xét xử có thể quyết định trở lại việc xét hỏi, sau khi hỏi thêm xong phải tiếp tục bước tranh luận.

- *Nghị án và tuyên án*: Sau khi bị cáo nói lời nói sau cùng, chủ tọa phiên tòa tuyên bố Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Chỉ có Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân mới có quyền vào phòng nghị án. Khi nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án, mỗi một vấn đề đều phải được biểu quyết và quyết định theo đa số. Người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được lưu vào trong hồ sơ vụ án. Khi biểu quyết Thẩm phán biểu quyết sau cùng. Sau khi nghị án xong, Hội đồng xét xử quay lại phòng xử và tuyên đọc bản án.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 đã được sửa đổi, bổ sung qua ba lần (30/6/1990, 22/12/1993 và 09/6/2000). Đến ngày 26/11/2003 Quốc hội khóa XI đã thông qua, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2004) quy định về trình tự xét xử tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, về cơ bản không khác với những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 mà chỉ mở rộng hơn đối với quyền tranh luận tại phiên tòa của các chủ thể tham gia tố tụng. Hiện nay Bộ luật tố tụng hình sự 2015 (có hiệu lực từ 01/01/2018) đã có những cải sửa các quy định cũ và hoàn thiện thêm về trình tự, thủ tục xét xử tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

1.4.Các nguyên tắc tổ tụng hình sự liên quan đến phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Tòa án là cơ quan xét xử của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Để thực hiện tốt chức năng xét xử của mình, đảm bảo cho mọi tội phạm được xét xử nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật, không bỏ sót, lọt tội phạm, không làm oan người vô tội thì trong quá trình giải quyết vụ án nói chung và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng đòi hỏi Tòa án phải thực hiện nghiêm chỉnh các nguyên tắc trong Luật tổ tụng hình sự. Đó là, ngoài các nguyên tắc xét xử chung của Tòa án được quy định trong Chương II Bộ luật tố tụng năm 2015 thì tại phiên tòa còn có thể thấy nổi lên các nguyên tắc về thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia; khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán; Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số; Xét xử công khai và Tòa án xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục và bảo đảm tranh tụng trong xét xử(Điều 22, 23, 24, 25, 26 và 250 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015).

1.4.1.Nguyên tắc thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia

Điều 22 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định “ *Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án có Hội Thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn do Bộ luật này quy định*”. Như vậy, việc tham gia của Hội thẩm nhân dân là bắt buộc trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, không giống như ở giai đoạn xét xử phúc thẩm không quy định bắt buộc mà chỉ là có thể có Hội thẩm tham gia trong một số trường hợp cần thiết. Tại sao phải có trong thành phần Hội đồng xét xử là Hội thẩm? Câu hỏi này có nhiều cách trả lời khác nhau nhưng có thể hiểu Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền sự tham gia của Hội thẩm là sự thể hiện tính dân chủ, Hội thẩm nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu ra, vì vậy Hội thẩm mang tính nhân dân trong Nhà nước pháp quyền đó. Nguyên tắc này đã cho thấy vị trí pháp lý quan trọng của Hội thẩm trong thành phần Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa, Hội thẩm có quyền hạn ngang với Thẩm phán trong việc xét hỏi, Thẩm phán không được ngắt lời khi Hội thẩm đang hỏi. Khi qua mỗi

thủ tục, Thẩm phán đều phải hỏi Hội thẩm xem có bổ sung gì không mới được quyền chuyển sang phần tiếp theo. Trong quá trình nghị án, Hội thẩm có quyền đưa ra quyết định của mình mà không phụ thuộc vào ý kiến của Thẩm phán. Các thành viên của Hội đồng xét xử phải biểu quyết theo đa số về từng vấn đề một, khi biểu quyết thì Thẩm phán là người biểu quyết sau cùng đảm bảo cho Hội thẩm không bị lệ thuộc vào ý kiến của Thẩm phán. Nếu ý kiến của Hội thẩm là thiểu số thì Hội thẩm có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được bảo lưu ý kiến trong biên bản nghị án và được đưa vào trong hồ sơ vụ án.

1.4.2. Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Nguyên tắc này gắn liền với nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số, là nguyên tắc cốt lõi của quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền, có vai trò đặt biệt quan trọng trong việc bảo đảm tính tối cao của pháp luật, bảo đảm sự cân bằng và kiểm soát các quyền lực nhà nước và bảo vệ quyền con người. Nguyên tắc này quy định về tính độc lập trong xét xử của Hội thẩm và Thẩm phán; tức là trong quá trình xét xử vụ án, Hội thẩm nhân dân, Thẩm phán không bị ràng buộc bởi bất cứ yếu tố nào khác ngoài pháp luật, không chịu sự can thiệp từ bên ngoài vào hoạt động xét xử. Điều này đã tạo điều kiện cho Tòa án xét xử được khách quan, công bằng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời chống được các biểu hiện tiêu cực nhằm từng bước thực hiện công bằng xã hội.

Khi xét xử vụ án hình sự, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán. Thẩm phán và Hội thẩm không để cho bất cứ ai vì bất cứ lý do gì chi phối mà xử lý không đúng pháp luật. Thực tiễn cho thấy Tòa án chỉ có thể quyết định xử lý vụ án chính xác khi đã mở phiên tòa. Tính độc lập của Tòa án còn thể hiện ở việc các cơ quan quản lý không được can thiệp vào việc xét xử của Tòa án; Tòa án cấp trên hướng dẫn Tòa án cấp dưới về áp dụng thống nhất pháp luật, nhưng không quyết định trước về chủ trương xét xử cụ thể một vụ án buộc Tòa án cấp dưới phải theo. Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm không chỉ độc lập với các cơ quan nhà nước nói trên mà còn độc lập với yêu cầu của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, độc lập giữa các

thành viên của Hội đồng xét xử với nhau. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tình tiết của vụ án, căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa công khai và căn cứ vào pháp luật để xác định tội phạm cũng như hình phạt đối với người phạm tội.... Tuy vậy, Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập, không có nghĩa tách rời đường lối chính sách của Đảng, không có nghĩa là không có sự kiểm soát và giám sát. Tòa án cấp trên có quyền thẩm tra những bản án và quyết định của Tòa án cấp dưới và hủy bỏ chúng trong trường hợp trái pháp luật hoặc không có cơ sở đúng đắn. Hoạt động của Thẩm phán, Hội thẩm và luật pháp có mối liên hệ luôn luôn thống nhất và không thể tách rời nhau. Nếu chỉ độc lập mà không tuân theo pháp luật thì dễ dẫn đến trình trạng xét xử tùy tiện, độc đoán. Còn nếu chỉ tuân theo pháp luật mà không độc lập thì dễ dẫn đến tình trạng thiếu khách quan.

1.4.3. Nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

Nguyên tắc này là nguyên tắc Hiến định (Điều 103 Hiến pháp 2013) và là một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015 (Điều 24 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 10 Luật tổ chức Tòa án 2014). Ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử luôn luôn gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân, trong trường hợp đặc biệt thì gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm. Tuy Thẩm phán và Hội thẩm độc lập trong xét xử nhưng khi biểu quyết để quyết định đưa ra phán xét cuối cùng thì nguyên tắc xét xử tập thể và quyết định theo đa số được áp dụng thực hiện nghiêm chỉnh. Tất cả các quyết định của Tòa án phải được sự thống nhất của tập thể, không phụ thuộc vào ý kiến riêng của từng thành viên Hội đồng xét xử. Mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử phải được bàn bạc và thông qua bằng kết quả biểu quyết theo đa số. Thẩm phán không được quyền tự mình ra quyết định. Đối với những người có ý kiến thiểu số thì họ có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được lưu vào hồ sơ của vụ án. Nguyên tắc này đã vừa thể hiện tính chất dân chủ, mang tính đặc trưng của hoạt động xét xử trong Nhà nước pháp quyền, vừa đảm bảo cho việc xét xử thận trọng, khách quan, công bằng. Phán quyết chỉ được đưa ra khi có đa số ý kiến đồng ý.

Nguyên tắc này có mối quan hệ mật thiết với một số nguyên tắc khác như nguyên tắc “Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”,

nguyên tắc “ xét xử có hội thẩm tham gia”... Việc thực hiện tốt các nguyên tắc khác chính là đảm bảo cho nguyên tắc này được thực hiện có hiệu quả.

1.4.4. Nguyên tắc xét xử công khai.

Đây là một trong những nguyên tắc dân chủ của hoạt động xét xử được quy định tại Điều 103 Hiến pháp 2013 “*Tòa án nhân dân xét xử công khai trừ trường hợp do luật định*” và cụ thể hóa trong Điều 25 của Bộ luật tố tụng năm 2015. Theo đó, việc xét xử của Tòa án được tiến hành công khai, mọi người đều có quyền tham dự và theo dõi diễn biến của phiên tòa xét xử. Nguyên tắc xét xử công khai cho phép có thể tường thuật, thông báo trên báo chí, đài phát thanh, truyền hình... về hoạt động xét xử của Tòa án. Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Tòa án nhân dân có thể xét xử kín, nhưng phải tuyên án công khai. Nguyên tắc này là điều kiện cho phép nhân dân giám sát hoạt động của Tòa án nói chung và các cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng. Nó đề cao trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng đồng thời giáo dục công dân tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật.

1.4.5. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26) là một trong những nguyên tắc cơ bản, nguyên tắc này đã giúp cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa được chú trọng hơn, góp phần khẳng định phiên tòa sẽ chất lượng và chuyên nghiệp hơn. Trong thực tiễn xét xử, tranh tụng xuất hiện trong suốt quá trình tố tụng từ thời điểm khởi tố cho đến khi giải quyết xong vụ án, bởi lẽ có buộc tội là có gỡ tội nên tranh tụng cũng có từ đó. Việc đưa nguyên tắc tranh tụng vào Bộ luật tố tụng hình sự không có nghĩa pháp luật tố tụng hình sự nước ta chuyển đổi sang mô hình tố tụng tranh tụng. Nguyên tắc này chỉ làm cho nền tố tụng hình sự tiến bộ hơn vì một mục tiêu cải cách tư pháp là sự tranh tụng tại tòa để soi rọi bản chất vụ án. Ghi nhận nguyên tắc này cũng là sự phù hợp với xu hướng phát triển chung của Thế giới, phù hợp với yêu cầu khách quan của tư pháp hình sự và là cơ sở pháp lý quan trọng để các bên tranh tụng được bình đẳng, ngang quyền với nhau trong việc thực hiện chức năng tố tụng của mình.

1.5.Các quy định chung của pháp luật về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam

1.5.1.Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Trong hệ thống Tòa án nhân dân nước ta hiện nay thì Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự là Tòa án cấp thấp nhất (cấp sơ thẩm) và ngày càng được mở rộng một cách hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Theo quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án nhân dân cấp huyện xét xử sơ thẩm vụ án hình sự về những tội phạm mà Bộ luật hình sự quy định khung hình phạt từ 15 năm tù trở xuống trừ những trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 điều này. Việc quy định thẩm quyền xét xử cho Tòa án nhân dân cấp huyện căn cứ vào việc phân loại tội phạm trong Bộ luật hình sự tạo ra sự nhất quán trong các quy định khác của Bộ luật hình sự với quy định thẩm quyền xét xử như thời hạn điều tra, truy tố và thời hạn xét xử.

Khi bị cáo phạm nhiều tội, trong đó có tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp trên thì Tòa án cấp trên xét xử toàn bộ vụ án. Nếu xét xử bị cáo phạm nhiều tội thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự thì được thực hiện theo hướng là nếu có thể tách vụ án thì Tòa án quân sự xét xử những bị cáo và tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự; Tòa án nhân dân xét xử những bị cáo và tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân; Trường hợp không thể tách vụ án thì Tòa án quân sự xét xử toàn bộ vụ án (Điều 273 BLTTHS 2015). Nếu xảy ra tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân hoặc Tòa án quân sự do Chánh án Tòa án cấp trên trực tiếp quyết định. Nếu tranh chấp về thẩm quyền xét xử vụ án giữa các Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố thuộc trung ương khác nhau do chánh án Tòa án nhân dân tỉnh nơi kết thúc việc điều tra quyết định (Điều 275 BLTTHS 2015)

1.5.2.Quy định về giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Vấn đề giới hạn xét xử của Tòa án được quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Theo quy định này, Tòa án không được xét xử những người và những hành vi mà Viện kiểm sát không truy tố, không được xét xử bị cáo theo tội

danh nặng hơn tội danh mà Viện Kiểm sát truy tố. Nhưng Tòa án không bị hạn chế về khung hình phạt nặng hơn và các tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội danh mà Viện Kiểm sát đã truy tố.

Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện Kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật, có nghĩa là với những hành vi mà Viện kiểm sát truy tố, Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản nặng hơn (khoản quy định loại hình phạt nặng hơn hoặc mức phạt cao hơn) hoặc theo khoản nhẹ hơn (khoản quy định loại hình phạt nhẹ hơn hoặc mức hình phạt nhẹ hơn) so với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật.

Tòa án có thể xét xử bị cáo về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố, có nghĩa là với những hành vi mà Viện kiểm sát truy tố, Tòa án có thể xét xử bị cáo về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tội phạm khác bằng tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố là trường hợp điều khoản quy định về hình phạt chính, hình phạt bổ sung đối với hai tội phạm như nhau. Tội phạm khác nhẹ hơn tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố là trường hợp điều luật quy định về hình phạt chính, hình phạt bổ sung đối với tội phạm khác nhẹ hơn so với tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Khi Viện kiểm sát truy tố bị cáo về nhiều tội với nhiều hành vi phạm tội, thì Tòa án cũng có thể xét xử bị cáo về tội nhẹ nhất trong các tội mà Viện kiểm sát truy tố hoặc về tội nhẹ hơn tất cả các tội mà Viện kiểm sát truy tố đối với tất cả các hành vi phạm tội đó

Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội nặng hơn tội mà Viện kiểm sát truy tố thì Tòa án không được xét xử bị cáo về tội nặng hơn đó mà phải trả hồ sơ để Viện kiểm sát xem xét truy tố lại và thông báo rõ lý do cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa biết để chuẩn bị thực hiện quyền bào chữa tại phiên tòa. Sau khi nhận lại hồ sơ vụ án nếu Viện kiểm sát thay đổi quyết định truy tố thì Viện kiểm sát ban hành cáo trạng mới thay thế cáo trạng cũ và chuyển hồ sơ đến Tòa án. Nếu Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, thì Viện kiểm sát có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển lại hồ sơ cho Tòa án.

Trường hợp Tòa án vẫn giữ quan điểm cần xét xử bị cáo về tội nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát truy tố thì trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cần ghi rõ tên tội danh, điều, khoản của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát áp dụng để truy tố và tội danh, điều, khoản của Bộ luật hình sự về tội nặng hơn mà Tòa án sẽ đưa ra xét xử của Bộ luật hình sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử lại cần được gửi cho bị cáo hoặc người đại diện của họ để họ chuẩn bị thực hiện việc bào chữa.

1.5.3. Thời hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được tính từ ngày Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa nhận được hồ sơ của vụ án. Trong thời hạn 30 ngày đối với tội ít nghiêm trọng, 45 ngày đối với tội phạm nghiêm trọng, 02 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng, 03 tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định: đưa vụ án ra xét xử; Trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung hoặc tạm đình chỉ vụ án hoặc đình chỉ vụ án.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án có thể mở phiên tòa trong thời hạn 30 ngày (Điều 277 BLTTHS 2015).

1.5.4. Quy định về thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm.

Thành phần hội đồng xét xử được quy định tại Điều 254 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nhằm đáp ứng các nguyên tắc tố tụng hình sự là việc xét xử của Tòa án có Hội thẩm tham gia, nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số. Đây là sự kết hợp tính chuyên nghiệp của Thẩm phán và tính đại diện cho quần chúng của Hội thẩm; đảm bảo cho bản án, quyết định của Tòa án đúng pháp luật đồng thời thể hiện lợi ích chung của xã hội. Tùy theo tính chất, mức độ của vụ án mà hội đồng xét xử được quy định khác nhau bảo đảm thực hiện nguyên tắc trên và giải quyết đúng đắn vụ án.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai hội thẩm, đối với vụ án mà bị cáo bị đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì bắt buộc hội đồng xét xử gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm nhân dân. Trong

trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp liên quan đến chính sách dân tộc, tôn giáo, những vụ án có nhiều bị cáo, liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương khác nhau... thì Hội đồng xét xử có thể gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm nhân dân. Đối với vụ án là người chưa thành niên thì thành phần Hội đồng xét xử phải có Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ của tổ chức Đoàn thanh niên.

Trong Hội đồng xét xử thì chủ tọa phiên tòa là người điều khiển phiên tòa, các thành viên của Hội đồng xét xử phải xét xử vụ án từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến khi kết thúc. Trong quá trình xét xử, nếu có Thẩm phán, Hội thẩm không tiếp tục tham gia xét xử được thì Tòa án vẫn có thể xét xử vụ án nếu có Thẩm phán và Hội thẩm dự khuyết. Những người này phải được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã được công bố trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và bản thân họ phải có mặt tại phiên tòa từ đầu thì mới được tham gia xét xử. Trong trường hợp Hội đồng xét xử có hai Thẩm phán và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không tiếp tục tham gia xét xử được thì Thẩm phán là thành viên Hội đồng xét xử làm chủ tọa phiên tòa và Hội thẩm dự khuyết được bổ sung làm thành viên Hội đồng xét xử. Trong trường hợp không có Thẩm phán, Hội thẩm dự khuyết để thay thế hoặc phải thay đổi chủ tọa phiên tòa mà không có Thẩm phán để thay thế theo quy định trên thì vụ án phải bị hoãn và xét xử lại từ đầu.

1.5.5. Quy định về chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

1.5.5.1. Quy định về chủ thể tiến hành tố tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

-*Thẩm phán:* Theo quy định tại Điều 65 Luật tổ chức Tòa án năm 2014 thì: *Thẩm phán là người được Chủ tịch nước bổ nhiệm để làm nhiệm vụ xét xử, Thẩm phán làm nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 2 của luật này và các luật có liên quan.* Điều 62 Luật tổ chức Tòa án 2014 còn quy định tiêu chuẩn của Thẩm phán: “Thẩm phán phải là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần dũng cảm và kiên quyết bảo vệ công lý,

liêm khiết và trung thực, có trình độ cử nhân luật trở lên, đã được đào tạo nghiệp vụ xét xử, có thời gian công tác thực tiễn, có năng lực làm công tác xét xử và có sức khỏe đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao”. Họ là người làm nhiệm vụ xét xử những vụ án và giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án nơi họ công tác hoặc Tòa án nơi họ được biệt phái đến làm nhiệm vụ có thời hạn; Thẩm phán là người được nhân danh Nhà nước phán quyết một người có tội hay không có tội và áp dụng các mức hình phạt khác nhau tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán được quy định tại Điều 45 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 như sau: Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa; Tiến hành xét xử các vụ án hình sự; Tiến hành các hoạt động tố tụng và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử; Tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của tòa án theo sự phân công của Chánh án; Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa, ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn được nêu trên còn có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cưỡng chế trừ biện pháp tạm giam; Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; Điều hành việc xét xử vụ án, tranh tụng tại phiên tòa; Tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án.

Như vậy, có thể thấy Thẩm phán có vị trí rất quan trọng trong thực hiện quyền tư pháp, là người được pháp luật trao cho thẩm quyền thay mặt Tòa án thực hiện quyền tư pháp thông qua hoạt động xét xử, đại diện cho Nhà nước bảo vệ sự công bằng trong xã hội.

- **Hội thẩm nhân dân:** Đối với hội thẩm nhân dân, theo quy định của Hiến pháp năm 2013 (Điều 103) và Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì việc tham gia của Hội thẩm nhân dân là một trong những yêu cầu bắt buộc trong quá trình xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự. Theo quy định tại Điều 84 Luật tổ chức Tòa án năm 2014 thì Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ xét xử những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo phân công của Chánh án Tòa án nơi được bầu làm hội thẩm nhân dân.

Cũng giống như Thẩm phán, Hội thẩm cũng có những tiêu chuẩn cụ thể được quy định tại Điều 85 Luật tổ chức Tòa án năm 2014, đó là phải là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có kiến thức pháp lý, có tinh thần dũng cảm, kiên quyết bảo vệ công lý, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có hiểu biết xã hội, có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao (Điều 85 Luật tổ chức Tòa án 2014)

Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội thẩm được quy định tại Điều 46 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 như sau: Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa; Tiến hành xét xử vụ án; Tiến hành các hoạt động tố tụng và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử; Hội thẩm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

-Kiểm sát viên: Viện kiểm sát cùng cấp bắt buộc phải cử Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm; nếu Kiểm sát viên vắng mặt, bị thay đổi mà không có Kiểm sát viên dự khuyết để thay thế sẽ dẫn đến việc Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Theo đó tiêu chuẩn để bổ nhiệm Kiểm sát viên phải là “Công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có trình độ cử nhân luật, đã được đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, có thời gian công tác thực tiễn, có năng lực làm công tác xét xử và có sức khỏe đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao” (Điều 75 Luật tổ chức Viện kiểm sát 2014). Khi tham gia các hoạt động tố tụng hình sự, Kiểm sát viên thực hiện hai chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Quyền hạn của Kiểm sát viên được quy định tại các Điều 42 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 18 và Điều 19 Luật tổ chức Viện kiểm sát 2014. Trong đó, quyền hạn của Kiểm sát viên tham gia xét xử tại phiên tòa sơ thẩm bao gồm: Kiểm sát viên là người đọc cáo trạng, quyết định của Viện kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án; tham gia cùng với Hội đồng xét xử xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa; trình bày lời luận tội; có quyền yêu cầu thay đổi thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án, của những người tham gia tố tụng và kiểm sát các bản án, quyết định của Tòa án; kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án...

- **Thư ký Tòa án:** Theo quy định của pháp luật tố tụng, trong hệ thống các chức danh tư pháp của các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Cơ quan điều tra và Thi hành án thì chỉ Tòa án mới có chức danh Thư ký với tư cách là một trong các chủ thể tiến hành tố tụng độc lập. Việc quy định chức danh Thư ký này xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ và chức năng đặc thù của Tòa án. Tại Điều 92 Luật tổ chức Tòa án năm 2014 quy định Thư ký là người có trình độ cử nhân luật trở lên và được Tòa án tuyển dụng, được đào tạo nghiệp vụ Thư ký và được bổ nhiệm vào ngạch Thư ký. Sự tham gia của Thư ký Tòa án vào quá trình giải quyết vụ án là một trong các yếu tố, điều kiện không thể thiếu trong hoạt động xét xử của Tòa án. Do đó, Thư ký Tòa án cũng được pháp luật tố tụng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 92 Luật tổ chức Tòa án 2014 như sau: Phổ biến nội quy phiên tòa; Báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa; ghi biên bản phiên tòa; Tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án. Như vậy, với tư cách là một trong các chủ thể tiến hành tố tụng độc lập, Thư ký Tòa án có những vai trò nhất định góp phần đảm bảo cho hoạt động xét xử của Tòa án được công minh, đúng pháp luật, bảo đảm công bằng xã hội.

1.5.5.2. Quy định về chủ thể tham gia tố tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Bộ luật tố tụng hình sự nước ta cho đến nay đã nhiều lần sửa đổi những quy định không còn phù hợp và bổ sung xây dựng những quy định mới. Bộ luật bao gồm phần chung và phần riêng được chia thành các chế định... Trong các chế định của Bộ luật tố tụng hình sự thì người tham gia tố tụng được quy định trong chương IV Bộ luật tố tụng hình sự 2015 là một chế định quan trọng.

Theo quy định người tham gia tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm nói chung bao gồm: Bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự,

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch, người đại diện của pháp nhân phạm tội. Tuy nhiên, giai đoạn tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự căn cứ vào quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa. Như vậy, không phải bất kỳ một vụ án hình sự nào khi đem ra xét xử cũng bao gồm tất cả những người tham gia tố tụng nói trên mà tùy vào từng vụ việc cụ thể, tùy vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tùy vào sự đơn giản hay phức tạp của vụ án mà Thẩm phán triệu tập họ tới tham gia phiên tòa xét xử.

-Bị cáo: trong số những người tham gia tố tụng tại phiên tòa thì bị cáo là nhân vật trung tâm. Đó là người hoặc pháp nhân có hành vi phạm tội mà sau khi phiên tòa sơ thẩm kết thúc sẽ được xác định là có tội hay không có tội, nếu phạm tội thì phạm tội gì? mức hình phạt là bao nhiêu? trách nhiệm bồi thường thiệt hại thế nào?...

Bị cáo tham gia tố tụng tại tòa từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Một người sẽ trở thành bị cáo khi bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử, quyết định đó có thể đúng nhưng cũng có thể sai. Vì vậy, khái niệm bị cáo không đồng nghĩa với khái niệm chủ thể phạm tội. Bị cáo chỉ trở thành người có tội nếu sau khi xét xử bị Tòa án ra bản án kết tội và bản án đó có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; nếu bị cáo vắng mặt không có lý do chính đáng thì sẽ bị áp giải theo thủ tục pháp luật quy định; nếu bị cáo vắng mặt có lý do chính đáng thì phải hoãn phiên tòa. Tòa án có thể xử vắng mặt bị cáo trong các trường hợp: bị cáo trốn tránh và việc truy nã không có kết quả; bị cáo đang ở nước ngoài nên không thể triệu tập đến phiên tòa và nếu sự vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử đồng thời họ đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Quyền và nghĩa vụ của bị cáo được quy định cụ thể tại Điều 61 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

-Người bào chữa: Là người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tạm giam, bị can, bị cáo và giúp đỡ họ về mặt pháp lý. Quyền và

nghĩa vụ của người bào chữa được quy định tại Điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tại phiên tòa, Người bào chữa là người được bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ lựa chọn, hoặc là người được các cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu Đoàn luật sư hoặc Mặt trận tổ quốc cử. Người bào chữa có thể là Luật sư, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bào chữa viên nhân dân và trợ giúp viên pháp lý. Người bào chữa có nghĩa vụ tham gia phiên tòa để bào chữa cho bị cáo thông qua việc tham gia xét hỏi, trình bày lời bào chữa, đối đáp với Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng khác, tranh luận nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Việc quy định sự tham gia phiên tòa của người bào chữa là một bảo đảm pháp lý quan trọng cho việc thực hiện nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo. Đồng thời sự có mặt của người bào chữa tại phiên tòa đảm bảo cho việc tranh luận công khai tại phiên tòa giữa bên buộc tội (Kiểm sát viên thay mặt Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa) và bên gỡ tội (người bào chữa) làm cơ sở cho việc xác định sự thật khách quan, bảo đảm cho việc xét xử chính xác, đúng pháp luật.

-Người bị hại: Trong một vụ án hình sự, ngoài việc xác định có chủ thể phạm tội, còn phải xác định rõ người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra, đó chính là người bị hại. Luật tố tụng hình sự nước ta trước đây chỉ coi người bị hại là công dân; còn pháp nhân hay tổ chức xã hội không được coi là người bị hại. Người bị hại là con người cụ thể bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại. Thể chất, tinh thần, tài sản của họ phải là đối tượng của tội phạm. Thiệt hại mà người bị hại phải chịu phải là thiệt hại thực tế, nếu thể chất, tinh thần, tài sản của một người chưa bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra thì người đó không được coi là người bị hại. Trong trường hợp hành vi phạm tội không bị phát hiện và xử lý hoặc trường hợp không xác định được người bị thiệt hại mặc dù trên thực tế có người bị thiệt hại về vật chất, tinh thần, tài sản do hành vi phạm tội gây ra thì người đó cũng không trở thành người bị hại trong vụ án hình sự. Trong trường hợp người bị hại chết thì người đại diện hợp pháp của họ có những quyền của người bị hại. Nếu người bị hại đã chết có nhiều đại diện hợp pháp có quyền lợi đối lập nhau thì

Tòa án phải triệu tập tất cả những người đó để nghe họ trình bày ý kiến. Nếu người bị hại chưa thành niên hoặc là người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì đại diện hợp pháp của họ sẽ cùng tham gia tố tụng.

Trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại được quy định tại Điều 155 của Bộ luật tố tụng hình sự thì người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa. Quyền và nghĩa vụ của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ được quy định cụ thể tại Điều 61 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

-Nguyên đơn dân sự: Theo quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì nguyên đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên khác với người bị hại, trong trường hợp là cá nhân là nguyên đơn dân sự thì trong trường hợp này không phải là nạn nhân trực tiếp của tội phạm, mặc dù bị thiệt hại nhưng thể chất, tinh thần, tài sản của họ không phải là đối tượng của tội phạm.

Nguyên đơn dân sự phải có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, có thể tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng hoặc có thể thực hiện thông qua người đại diện hợp pháp của họ. Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn dân sự được quy định cụ thể tại Điều 63 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

-Bị đơn dân sự: Khoản 1 Điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: Bị đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức mà pháp luật quy định phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Tư cách tố tụng của bị đơn dân sự được xác định khi cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập họ với tư cách bị đơn dân sự. Bị đơn dân sự có thể tự mình thực hiện các quyền về tố tụng hoặc thông qua người đại diện hợp pháp. Quyền và nghĩa vụ của bị đơn dân sự được quy định cụ thể tại khoản 2, 3 Điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có thể là người không liên quan đến việc

thực hiện tội phạm nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng phải xử lý theo pháp luật những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án được quy định cụ thể tại Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Ngoài những người tham gia tố tụng được nêu ở trên, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 còn xác định những người tham gia tố tụng khác như: Người làm chứng, người chứng kiến, người định giá tài sản, người giám định, người phiên dịch. Quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng này đều được quy định rõ ràng từ Điều 66 đến Điều 70 trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

1.5.4. Quy định về nội quy phiên tòa

Nội quy phiên tòa được quy định một mặt nhằm đảm bảo trật tự phiên tòa, đảm bảo cho việc xét xử được trang nghiêm, mặt khác còn đảm bảo cho mọi người tôn trọng Tòa án nói riêng, những người tiến hành tố tụng nói chung và bảo vệ an toàn về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự cho những người tham gia phiên tòa, tạo điều kiện cho Tòa án làm tròn nhiệm vụ xét xử. Vì vậy, trước khi bắt đầu phiên tòa, Thư ký tòa án phải phổ biến nội quy phiên tòa cho những người trong phòng xử án biết. Thư ký có thể giải thích cụ thể thêm về nội quy phiên tòa để những người tham gia phiên tòa hiểu rõ hơn. Bên cạnh đó, Thư ký cũng có thể hướng dẫn những người tham gia tố tụng cách xưng hô tại phiên tòa. Nội quy phiên tòa bao gồm: mọi người khi vào phòng xử án phải mặc trang phục nghiêm túc, chấp hành việc kiểm tra an ninh và thực hiện đúng hướng dẫn của Thư ký Tòa án, khi vào trong phòng xử án phải có thái độ tôn trọng Hội đồng xét xử, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa; mọi người đều phải đứng dậy khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án; những người được Tòa án triệu tập để xét hỏi được trình bày ý kiến và người nào muốn trình bày phải được chủ tọa phiên tòa cho phép; người trình bày ý kiến phải đứng dậy khi được hỏi, trừ trường hợp vì lý do sức khỏe được chủ tọa cho phép ngồi để trình bày. Ngoài ra để tránh cho những người chưa thành niên khỏi bị ảnh hưởng bởi những hành vi tiêu cực được Tòa án xét xử, nội quy phiên tòa còn cấm những người dưới 16 tuổi không được vào phòng xử án, trừ trường hợp được Tòa án triệu tập để xét hỏi.

1.5.5. Quy định về biên bản phiên tòa.

Tại phiên tòa, trong quá trình xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa có nhiệm vụ ghi biên bản phiên tòa theo quy định tại Điều 258 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Theo đó, biên bản phiên tòa phải ghi rõ ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm của phiên tòa và mọi diễn biến ở phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến khi tuyên bản. Cùng với việc ghi biên bản, có thể ghi âm, ghi hình về diễn biến phiên tòa. Những câu hỏi và những câu trả lời đều phải được ghi vào biên bản. Sau khi kết thúc phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải kiểm tra biên bản và cùng với Thư ký Tòa án ký vào biên bản đó. Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của những người đó được xem biên bản phiên tòa, có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa và ký xác nhận. Thư ký phiên tòa phải ghi những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của họ, không được tẩy xóa, sửa chữa trực tiếp vào những vấn đề đã ghi mà ghi những sửa đổi, bổ sung tiếp vào biên bản phiên tòa. Cần ghi tư cách tiến hành tố tụng hoặc tham gia tố tụng của những người đó và những yêu cầu cụ thể, sau đó người yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải ký xác nhận vào biên bản phiên tòa. Mục đích của việc quy định này nhằm đảm bảo mọi diễn biến của phiên tòa đều được ghi nhận trong biên bản và cũng là để kiểm tra tính đúng đắn của thủ tục tố tụng tại phiên tòa, làm căn cứ để Tòa án cấp trên có thể quyết định hủy bản án sơ thẩm nếu thấy có vi phạm pháp luật.

Kết luận chương 1

Qua nội dung Chương 1, chúng tôi đã nêu lên những đặc trưng, điển hình của các mô hình tố tụng hình sự trên thế giới hiện nay, qua đó tiếp thu những nhân tố tích cực của các mô hình tố tụng hình sự này về phiên tòa xét xử và từ đó mô hình tố tụng hình sự Việt Nam được xác định là mô hình tố tụng hình sự pha trộn theo hướng thiên về tranh tụng. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nêu và phân tích những quy định của pháp luật tố tụng của nước ta về cách thức tổ chức phiên tòa từ trước khi có pháp điển lần thứ nhất cho đến nay, để từ đó có sự so sánh giữa những quy

định cũ và quy định mới. Đồng thời luận văn cũng đã khái quát một số lý luận về các nguyên tắc cơ bản; về chủ thể tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng; về biên bản phiên tòa; nội quy phiên tòa và giới hạn việc xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chương 2

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Thực trạng về trình tự và thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại quận Bình Tân

Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là giai đoạn trung tâm, quan trọng nhất của việc xét xử nói riêng và cả quá trình tố tụng hình sự nói chung. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành việc điều tra chính thức, thẩm tra công khai toàn bộ các tình tiết của vụ án, thẩm tra các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong giai đoạn điều tra, xem xét chứng cứ mới, nghe tranh luận của các bên tham gia tố tụng... để quyết định xử lý vụ án, kết luận một người có tội hay không có tội. Trình tự và thủ tục xét xử tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được tiến hành qua các bước: Thủ tục bắt đầu phiên tòa; thủ tục xét hỏi tại phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa; nghị án và tuyên án.

2.1.1. Thực trạng bắt đầu phiên tòa.

Thủ tục bắt đầu phiên tòa xét xử được quy định từ Điều 300 đến Điều 305 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đây là thủ tục có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xét xử một vụ án hình sự nên để đảm bảo phiên tòa diễn ra đúng quy định của pháp luật, chiếm được lòng tin của nhân dân đòi hỏi phải có sự chuẩn bị tốt các điều kiện cần và đủ cho việc mở phiên tòa. Các điều kiện bao gồm: đảm bảo sự có mặt cần thiết của những người tham gia tố tụng, giải quyết việc tiếp tục xét xử hay hoãn phiên tòa, kiểm tra lý lịch của bị cáo, kiểm tra căn cước những người đến tham dự phiên tòa, giải thích các quyền và nghĩa vụ của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, giải quyết các yêu cầu về việc cung cấp chứng cứ, thay đổi thành viên Hội đồng xét xử... Bắt đầu phiên tòa là tiền đề cần thiết và bắt buộc cho việc tiến hành các trình tự tố tụng xét hỏi tiếp theo tại phiên tòa. Nếu bắt đầu phiên tòa được quy định và được thực hiện đầy đủ, theo đúng trình tự do pháp luật quy định sẽ là điều kiện quan trọng để tiến hành các bước tố tụng tiếp theo của phiên tòa đạt kết

quả tốt và ngược lại. Thủ tục bắt đầu phiên tòa được tiến hành theo trình tự các bước sau đây:

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án, Thư ký làm công việc ổn định trật tự và kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập, nếu có người vắng mặt thì phải nêu lý do đồng thời phổ biến nội quy phiên tòa. Đối với những vụ án dư luận quan tâm sẽ có nhiều người đến tham dự phiên tòa, do đó Thư ký phiên tòa phải có kỹ năng bố trí, sắp xếp chỗ ngồi sau đó phổ biến nội quy phiên tòa và yêu cầu những người đã được Tòa án triệu tập nộp giấy triệu tập. Trong tất cả các vụ án đưa ra xét xử tại Quận Bình Tân, Thư ký đã làm rất tốt công việc này, chưa xảy ra trường hợp nào Hội đồng xét xử phải trực tiếp xử lý.

Khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án, Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử. Sau khi nghe Thư ký báo cáo danh sách những người được triệu tập (có mặt hoặc vắng mặt), Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem có ai đề nghị triệu tập thêm người làm chứng, đưa thêm vật chứng, đề nghị hoãn phiên tòa nếu có người vắng mặt hay không. Nếu có người yêu cầu thì Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Chủ tọa phiên tòa giới thiệu những thành viên trong Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký tòa án, người giám định, người phiên dịch, rồi hỏi những người tham gia tố tụng tại phiên tòa xem có ai xin thay đổi những người vừa giới thiệu trên hay không. Nếu có người tham gia tố tụng nào đó yêu cầu thay đổi thì phải nêu rõ lý do. Người bị yêu cầu thay đổi có thể trình bày ý kiến phản bác lại yêu cầu thay đổi. Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thảo luận và quyết định chấp nhận hoặc bác yêu cầu thay đổi. Trong trường hợp chấp nhận yêu cầu thay đổi thì phải có thành viên khác thay thế ngay. Nếu không có người thay thế thì phải hoãn phiên tòa. Thực tiễn công tác xét xử tại Quận Bình Tân, trong các phiên tòa xét xử vụ án hình sự từ năm 2013 trở lại đây không có trường hợp nào bị cáo hay người bị hại có yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng (Thẩm phán, Kiểm sát viên, Thư ký)

Chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng đã được Tòa triệu tập có mặt, giải thích quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa tương

ứng với tư cách tham gia tố tụng của từng chủ thể theo quy định từ Điều 61 đến Điều 70 của Bộ luật tố tụng năm 2015. Việc kiểm tra căn cước được tiến hành bằng cách hỏi, trả lời. Tùy theo địa vị pháp lý của người tham gia tố tụng mà phạm vi kiểm tra cũng khác nhau, cụ thể:

Đối với bị cáo phải hỏi họ về họ tên (tên gọi khác nếu có); giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi tạm trú); quốc tịch; dân tộc; nghề nghiệp, trình độ văn hóa, hoàn cảnh gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con); tiền án – tiền sự; ngày bị bắt tạm giam. Đồng thời, Chủ tọa phiên tòa phải hỏi họ đã được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hay chưa? Nếu đã được nhận thì nhận vào ngày nào? Trong trường hợp bị cáo chưa được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc đã được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử dưới 10 ngày thì trước khi mở phiên tòa, phải hỏi bị cáo có đồng ý để Tòa tiến hành xét xử vụ án hay không. Nếu bị cáo đồng ý thì ghi vào trong biên bản phiên tòa và Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc, nếu bị cáo không đồng ý thì phải hoãn phiên tòa để Viện kiểm sát và Tòa án tổng đạt cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với người đại diện hợp pháp của bị cáo phải hỏi họ để họ khai về tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú, mối quan hệ với bị cáo như thế nào.

Đối với người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và đại diện hợp pháp của họ phải hỏi họ để họ khai tên, tuổi, nơi cư trú. Đối với nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức thì phải hỏi người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền khai rõ địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức, họ tên, chức vụ, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật.

Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ tên, nghề nghiệp hoặc chức vụ của người giám định, người phiên dịch (nếu có) và giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của họ, những người này phải cam đoan làm tròn nhiệm vụ.

Chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước, giải thích quyền và nghĩa vụ của người làm chứng. Đối với người làm chứng từ 18 tuổi trở lên yêu cầu họ phải cam đoan

không khai gian dối, nếu người làm chứng là người dưới 18 tuổi thì không phải cam đoan. Trong trường hợp có nhiều người làm chứng thì Chủ tọa phiên tòa quyết định có hay không để cho người làm chứng nghe lời khai của nhau hoặc tiếp xúc với những người khác, hoặc cách ly bị cáo với người làm chứng trước khi hỏi họ về nội dung vụ án.

Những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cơ bản đã được lãnh đạo Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quán triệt đến toàn thể các thẩm phán và Hội thẩm nhân dân và đã thực hiện đúng, đầy đủ và nghiêm túc. Từ thời điểm đầu tiên khi Thư ký kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập và sắp xếp chỗ ngồi sao cho hợp lý để họ một mặt trả lời cho những câu hỏi của Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Luật sư được rõ ràng, mặt khác tránh cho họ bị kích động về mặt tâm lý khi đứng cạnh bị cáo. Đối với những vụ án có nhiều bị cáo như vụ án Dương Văn Phúc và đồng bọn bị truy tố về tội “Hủy hoại tài sản” xét xử 07 bị cáo, 01 bị hại và 03 người có quyền và nghĩa vụ liên quan (bản án số 68/2016/HSST ngày 08/03/2016), vụ án Sỳ Vĩnh Sáng và đồng bọn bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” xét xử 15 bị cáo và 08 người đại diện hợp pháp cho 8 bị cáo từ dưới 18 tuổi, 8 Luật sư bào chữa và 02 người làm chứng (bản án số 52/2017/HSST ngày 16/03/2017) ... Các Thư ký đã linh động yêu cầu các đồng chí công an dẫn giải sắp xếp cho các bị cáo ngồi theo thứ tự tên như cáo trạng truy tố nhằm tránh việc Chủ tọa thẩm tra lý lịch bị sót và đảm bảo các bị cáo khi bước vào vành móng ngựa để trả lời được trật tự. Hay đối với những vụ án có nhiều người liên quan tham gia phiên tòa như vụ Thái Bình Quốc bị truy tố về tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi” gồm 01 bị cáo và 15 người liên quan (bản án số 210/2016/HSST ngày 26/3/2016) ... Thư ký phiên tòa phải kiểm tra sự có mặt của họ trước rồi sắp xếp chỗ ngồi sao cho khi Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên hỏi họ đứng lên trả lời có trật tự đảm bảo sự trang nghiêm khi phiên tòa diễn ra.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tại Điều 301 quy định “Khi khai mạc phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử”.

Thực tế xét xử tại Quận Bình Tân, Thẩm phán khi bước vào phòng xử án thực hiện theo trình tự đúng theo quy định như tuyên bố khai mạc phiên tòa rồi mới đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử. Khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán căn cứ vào danh sách những người cần triệu tập đến phiên tòa do Viện kiểm sát xác lập (danh sách kèm theo bản cáo trạng). Vì vậy, những người được triệu tập đến phiên tòa thường là những người đã được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát triệu tập lấy lời khai trong quá trình điều tra vụ án, rất ít khi người được Tòa án triệu tập là người do Luật sư bào chữa hoặc do bị cáo yêu cầu, điều này đã làm phát sinh những vấn đề phức tạp trong giai đoạn bắt đầu phiên tòa khi bên gỡ tội yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng. Trong thời gian qua, tại quận Bình Tân có không ít trường hợp, Luật sư bào chữa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập thêm người đến phiên tòa để làm chứng, thậm chí nhân chứng đã có mặt tại tòa nhưng những người này do không được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát triệu tập lấy lời khai trong quá trình điều tra vụ án, không được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nên thường là Hội đồng xét xử không chấp nhận vì lời khai của họ không đủ căn cứ pháp lý để xác nhận lời khai đó là trung thực, khách quan, họ chưa có lời khai trước Cơ quan điều tra nên không có nội dung để so sánh. Điều này làm cho những người tham dự phiên tòa nhận thấy có biểu hiện không thật bình đẳng, dân chủ giữa bên buộc tội và bên bị buộc tội.

Việc kiểm tra căn cước (lý lịch) của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa là một quy định vô cùng quan trọng và có ý nghĩa. Thông qua việc kiểm tra này, Hội đồng xét xử xác định xem có phải đúng bị cáo đã được Tòa án quyết định đưa ra xét xử và được triệu tập đến phiên tòa hay không? Những người tham gia phiên tòa có phải đúng là người đã được Tòa án triệu tập? Nhiều trường hợp chỉ qua phần kiểm tra lý lịch của bị cáo Hội đồng xét xử đã phải nghị án thảo luận để trả hồ sơ điều tra bổ sung vì thông tin liên quan đến nhân thân bị cáo khi được hỏi tại phiên tòa khác với thông tin có trong bản lý lịch bị can. Ví dụ trường hợp phiên tòa xét xử bị cáo Lê Văn Trọng bị Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân truy tố về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự. Trong bản lý lịch bị cáo được công an phường xác nhận bị cáo Lê Văn Trọng thường trú có địa chỉ rõ ràng tại tỉnh Trà Vinh, chỗ ở rõ ràng tại quận Bình Tân là con của ông Lê Văn Tuấn, Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là con của ông Lê Văn Tuấn. Nhưng tại phiên tòa qua thẩm tra lý lịch bị cáo khai bị cáo tên Lê Văn Trọng là con của ông Lê Anh Tuấn, do đó Hội đồng xét xử buộc phải dừng phiên tòa xét xử và yêu cầu Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra phải đi thẩm tra lại lý lịch của bị cáo, như họ tên cha, mẹ, nơi cư trú.... Kết quả điều tra xác minh lại bị cáo có cha là ông Lê Anh Tuấn (Bản án hình sự số 88/2016/HSST ngày 22/3/2016)

Thực tiễn xét xử còn cho thấy có những Thẩm phán chủ tọa phiên tòa do mới được bổ nhiệm, kinh nghiệm xét xử thực tế chưa nhiều, vì vậy ngay khi bắt đầu phiên tòa đã lúng túng, mất bình tĩnh nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các giai đoạn tiếp theo, có Thẩm phán chủ tọa phiên tòa “quên” cả việc giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, quên cả việc hỏi căn cước người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; có nhiều trường hợp Thẩm phán giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị cáo và người tham gia tố tụng không đầy đủ, không rõ ràng, có trường hợp lúng túng không biết xử lý như thế nào khi có yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng xét xử, hoặc xin hoãn phiên tòa ...

2.1.2. Thực trạng xét hỏi tại phiên tòa.

Xét hỏi là khâu quan trọng của quá trình xét xử tại phiên tòa, các chứng cứ tại phiên tòa được thẩm định bằng cách thông qua việc xét hỏi của Hội đồng xét xử hỏi các bị cáo và những người tham gia tố tụng, xem xét vật chứng, xem xét hiện trường, công bố các tài liệu... cũng như các bên buộc tội và bào chữa hỏi lẫn nhau dưới sự điều khiển, quan sát và đánh giá của Hội đồng xét xử. Mục đích là để kiểm tra các chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra và những chứng cứ mới thu thập tại phiên tòa nhằm làm sáng tỏ mọi tình tiết của vụ án, trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xác định có tội phạm xảy ra hay không, bị cáo có thực hiện hành vi phạm tội hay không. Nếu có thì tội đó là tội gì? Động cơ, mục đích phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội... để có quyết định đúng đắn khi giải quyết vụ

án. Có thể những câu hỏi và những câu trả lời tại phiên tòa không khác với những câu hỏi và câu trả lời ở giai đoạn điều tra, nhưng việc hỏi và trả lời tại phiên tòa được diễn ra công khai và toàn diện những kết quả do các bên thu thập. Thủ tục xét hỏi được quy định từ Điều 306 đến 318 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

2.1.2.1. Trình tự xét hỏi.

Thủ tục xét hỏi được bắt đầu bằng việc Kiểm sát viên đọc bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung vào bản cáo trạng nếu có (Điều 306 Bộ luật tố tụng hình sự 2015).

Việc xét hỏi tại phiên tòa phải tiến hành theo nguyên tắc thứ tự: xét hỏi từng người, Chủ tọa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên; người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự; người giám định được hỏi những vấn đề liên quan đến việc giám định. Những người tham gia phiên tòa không có quyền được đặt câu hỏi cho người khác mà chỉ có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ mà không có quyền hỏi. Bộ luật tố tụng hình sự không quy định phải hỏi ai trước hỏi ai sau. Do vậy, việc xét hỏi ai trước, ai sau và xét hỏi nội dung như thế nào tùy thuộc vào quyết định của Chủ tọa phiên tòa. Để đảm bảo cho lời khai của những người được xét hỏi khách quan, cần phải tuân thủ những quy định sau của Bộ luật tố tụng hình sự

Đối với bị cáo: Hội đồng xét xử phải hỏi riêng từng bị cáo. Nếu lời khai của bị cáo này ảnh hưởng đến bị cáo khác thì Chủ tọa phiên tòa phải cách ly họ. Trong trường hợp này bị cáo được thông báo lại nội dung lời khai của bị cáo trước và có quyền đặt câu hỏi đối với bị cáo đó. Đây là trường hợp ngoại lệ mà bị cáo được đặt câu hỏi đối với bị cáo khác nhưng bị cáo không được quyền đặt câu hỏi đối với những người tham gia tố tụng khác mà chỉ được quyền đề nghị với Chủ tọa phiên tòa hỏi thêm những tình tiết mà theo bị cáo cần làm sáng tỏ. Nếu bị cáo không trả lời các câu hỏi thì Hội đồng xét xử và những người có quyền xét hỏi khác tiếp tục hỏi những người khác và xem xét vật chứng tài liệu có liên quan đến vụ án.

Đối với người làm chứng: Hội đồng xét xử phải hỏi riêng từng người và không để cho những người làm chứng khác biết được nội dung xét hỏi đó. Nếu lời

khai người làm chứng này có thể ảnh hưởng đến lời khai người làm chứng khác thì phải cách ly họ. Trường hợp người làm chứng là người dưới 18 tuổi thì Chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu cha, mẹ, người đỡ đầu hoặc thầy, cô giáo giúp đỡ để hỏi. Trên thực tế, người làm chứng thường vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án vì theo pháp luật quy định (Điều 66 BLTTHS) thì người làm chứng được bảo đảm khá an toàn về mọi mặt, tuy nhiên thực tế không hoàn toàn như vậy, người làm chứng còn nhiều trường hợp bị đe dọa, dụ dỗ khai sai sự thật. Nếu cơ quan tố tụng có cơ chế, phương tiện vật chất, điều kiện về con người để đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định đó thì người làm chứng sẽ an tâm hơn rất nhiều khi thực hiện các nghĩa vụ làm chứng của mình. Tuy nhiên, những điều kiện quy định trên chưa được các cơ quan tố tụng thực hiện triệt để trong thực tế, tại phiên tòa hình sự, Hội đồng xét xử thường tiến hành xét xử mà không có sự tham gia tố tụng trực tiếp của người làm chứng khi xét thấy, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì lời khai của người làm chứng đã được Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự luật định, được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Mặc dù, pháp luật quy định người làm chứng có thể bị dẫn giải đến phiên tòa, nhưng rất hiếm khi người làm chứng bị dẫn giải để tham gia tố tụng tại tòa. Tình trạng này đã tạo ra không ít khó khăn trong việc chứng minh tội phạm trong xét xử, ảnh hưởng rất nhiều tới tính minh bạch, công khai của phiên tòa.

Đối với người được xét hỏi, nếu họ có mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên không được công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra trước khi họ đưa ra lời khai về những tình tiết của vụ án, trừ trường hợp lời khai của họ mâu thuẫn với lời khai ở giai đoạn điều tra, truy tố; người được xét hỏi không khai tại phiên tòa hoặc không nhớ những lời khai của mình trong giai đoạn điều tra, truy tố; họ đề nghị công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố hoặc người được xét hỏi vắng mặt hoặc đã chết.

2.1.2.2. Nội dung xét hỏi.

Hội đồng xét xử để bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng và những tình tiết của vụ án; người làm chứng khai báo về quan hệ giữa họ và các đương sự và

những tình tiết của vụ án mà họ đã biết, những người khác trình bày tình tiết của vụ án có liên quan rồi sau đó mới hỏi thêm về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.

Như vậy, qua nghiên cứu những quy định trên tác giả nhận thấy Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã xác định chưa đúng và chưa phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các chủ thể thực hiện chức năng tố tụng, đã giao phần lớn việc xét hỏi cho Hội đồng xét xử. Các quy định cụ thể từ các Điều 307 đến Điều 318 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã thể hiện rõ trách nhiệm chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội do Hội đồng xét xử đảm nhiệm mà đáng ra trách nhiệm này phải là của bên buộc tội và bào chữa, đặc biệt là Kiểm sát viên. Trong số những quyền hạn và trách nhiệm được giao cho Hội đồng xét xử có những quyền và trách nhiệm thuộc chức năng buộc tội hoặc chức năng bào chữa, chính điều đó đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện chức năng xét xử, đến tính độc lập của Tòa án. Tòa án đang lấn sân các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội và chức năng bào chữa.

Do Luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định xét hỏi theo trình tự Chủ tọa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên; người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự nên thực tiễn xét xử nói chung tại nhiều phiên tòa hình sự của Tòa án nhân dân quận Bình Tân thì Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa xét hỏi đầu tiên và thường hỏi bị cáo, người bị hại, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác rất chi tiết sự việc phạm tội, các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo; nếu phát hiện có mâu thuẫn với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thì công bố những lời khai, tài liệu do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập được lưu giữ trong hồ sơ vụ án, thời gian xét hỏi của Chủ tọa có khi chiếm tới hai phần ba thời gian của phần xét hỏi, vai trò của Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Luật sư... có phần mờ nhạt.

Bởi vì có những phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố trong nhiều trường hợp cũng ít xét hỏi hoặc chỉ hỏi có tính chất bổ sung vì cho rằng Chủ tọa phiên tòa hỏi đã làm rõ được mọi vấn đề không cần thiết Kiểm sát viên phải hỏi

thêm. Đa số Kiểm sát viên còn thụ động khi tham gia xét hỏi hoặc có tâm lý ỷ lại vào Hội đồng xét xử. Họ nghĩ rằng công việc xét xử, ra bản án hoặc quyết định giải quyết vụ án là công việc của Tòa án, còn quan điểm của Viện kiểm sát đã thể hiện trong bản cáo trạng, "... có phiên tòa Kiểm sát viên không hề hỏi, thậm chí bất kỳ ai" hoặc " còn nhiều phiên tòa Kiểm sát viên không chủ động xét hỏi mà chờ Chủ tọa phiên tòa nhắc mới hỏi và cũng chỉ hỏi có tính chất bổ sung, còn việc hỏi để chứng minh tội phạm làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án vẫn còn do Chủ tọa phiên tòa thực hiện".

Hoặc cũng có những phiên tòa sau khi hỏi xong, Chủ tọa phiên tòa quay sang hỏi " các vị Hội thẩm nhân dân có hỏi thêm về vấn đề gì không?" thì chỉ nhận được những cái "lắc đầu" hoặc các vị Hội thẩm có hỏi thì cũng chỉ hỏi về phần nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà ít khi hỏi đến các tình tiết của vụ án. Có Hội thẩm nhân dân chỉ chú trọng đến phần hỏi mang tính chất giáo dục bị cáo với những câu hỏi như " bị cáo đã nhận thức được việc làm sai trái của bị cáo chưa?; "Tại sao bị cáo không kiếm việc gì làm lương thiện lại đi phạm tội?...".

Đối với người bào chữa thời gian gần đây đã tích cực tham gia xét hỏi nhiều hơn nhưng hay bị Chủ tọa phiên tòa "tuýt còi" vì những điều này đã được Hội đồng xét xử hỏi rồi hoặc do họ có thái độ, lời nói thiếu tôn trọng Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác. Bên cạnh đó, do pháp luật tố tụng hình sự hiện hành chỉ cho phép những người tham gia phiên tòa có quyền đề nghị với Chủ tọa phiên tòa hỏi thêm những tình tiết cần làm sáng tỏ mà không được phép trực tiếp hỏi, quy định này tuy đảm bảo trật tự phiên tòa, tiết kiệm được thời gian, tạo điều kiện để Hội đồng xét xử kiểm soát được nội dung xét hỏi và điều khiển việc xét hỏi đi vào trọng tâm nhưng vô hình dung làm hạn chế tính chủ động, tích cực của người tham gia phiên tòa. Bởi họ luôn ở thế bị động, trình độ pháp lý thấp, không quen nói nơi pháp đình; đối với bị cáo lại trong tình trạng tâm lý do sợ nên thường là họ không dám đề đạt ý kiến. Thực tiễn xét xử cho thấy rất ít khi những người này đề nghị Chủ tọa hỏi nên đã làm hạn chế đến chất lượng tranh tụng.

2.1.3. Thực trạng tranh luận tại phiên tòa.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì cơ sở pháp lý của hoạt động tranh luận tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được quy định tại chương XX, trong phần thứ tư xét xử sơ thẩm bao gồm 05 điều luật (từ Điều 320 đến Điều 325), gồm: trình tự khi phát biểu tranh luận (Điều 320); Tranh luận tại phiên tòa (Điều 322); trở lại việc xét hỏi (Điều 323); bị cáo nói lời nói sau cùng (Điều 324) xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn (Điều 325).

Mặc dù tranh luận chỉ được quy định trong 05 điều luật là cơ sở pháp lý đặc biệt, quan trọng làm nền tảng, định hướng cho tất cả các hoạt động diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời quá trình tranh luận sẽ mang lại giá trị rất lớn trong việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Bởi lẽ, thông qua tranh luận, kết quả xét hỏi được kiểm định tính xác thực, tính hợp pháp của các chứng cứ, các sự kiện cũng như các tình tiết của vụ án. Điều đó bắt buộc Hội đồng xét xử phải điều khiển phần tranh luận tại phiên tòa dựa trên các cơ sở pháp lý nêu trên. Và tất yếu, nếu hoạt động tranh luận không tuân thủ các quy định về tranh luận tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng hiện hành thì phiên Tòa bị coi là “vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng”. Đây là một trong những cơ sở pháp lý để Tòa án cấp trên xem xét hủy bản án và quyết định của Tòa án cấp dưới.

2.1.3.1. Chủ thể tham gia tranh luận.

Như chúng ta biết, tranh luận tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một quá trình đánh giá chứng cứ, phân tích các tình tiết của vụ án diễn ra giữa bên buộc tội và bên bào chữa một cách công khai dưới sự điều khiển của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa. Vì thế, chủ thể tham gia vào hoạt động tranh luận tại phiên tòa hình sự sơ thẩm là Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố (bên buộc tội); Người bào chữa (chủ yếu là Luật sư, bên gỡ tội); Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Đối với Kiểm sát viên, xuất phát từ chức năng của Viện kiểm sát là cơ quan thay mặt Nhà nước thực hành quyền công tố thông qua chức năng buộc tội bị cáo tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Việc thực hiện hoạt động tranh luận tại phiên tòa của Kiểm sát viên là nhằm mục đích bảo vệ cáo trạng, bảo vệ quan điểm luận tội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, xã hội (khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng hình sự).

Cùng một bên buộc tội với Kiểm sát viên là người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ, nếu có người bảo vệ quyền lợi ích của người bị hại thì họ tranh luận buộc tội bị cáo để bảo vệ lợi ích cá nhân họ (khoản 3 Điều 320 Bộ luật tố tụng hình sự).

Đối với bị cáo và người bào chữa là hai tư cách tố tụng khác nhau, luôn đối lập với bên buộc tội. Họ chỉ tranh luận những vấn đề liên quan trực tiếp với bị cáo như liên quan chứng cứ có tội hay không có tội, chứng cứ gỡ tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức bồi thường thiệt hại...

Các chủ thể khác như nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan đến vụ án và đại diện hợp pháp của những người này khi tham gia tranh luận họ không đứng về bên buộc tội cũng như bên gỡ tội mà họ tranh luận để bảo vệ quyền lợi của cá nhân mình hoặc của người mà họ đại diện (khoản 3 Điều 320 Bộ luật tố tụng hình sự), còn người giám định, người làm chứng, người phiên dịch không tham gia tranh luận.

Hội đồng xét xử không tham gia tranh luận. Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa điều khiển hoạt động tranh luận tại phiên tòa, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, không được hạn chế thời gian tranh luận (Điều 322 Bộ luật tố tụng hình sự 2015). Mặc dù Hội đồng xét xử không tham gia tranh luận nhưng lại có quyền ra quyết định cuối cùng về các vấn đề của vụ án.

2.1.3.2.Trình tự, thủ tục tranh luận:

Tương tự như những hoạt động tố tụng khác, phần tranh luận tại phiên tòa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng có một trình tự, thủ tục tiến hành cụ thể. Điều 320 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về trình tự phát biểu ý kiến khi tranh luận, mở đầu là Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đưa ra những cơ sở pháp lý để bảo vệ

cáo trạng, đồng thời phân tích các chứng cứ, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để xác định bị cáo có phạm tội hay không phạm tội. Nếu như cáo trạng là sự buộc tội dựa vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án trong giai đoạn điều tra, truy tố thì luận tội lại dựa trên những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra trực tiếp, công khai tại phiên tòa. Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là lời buộc tội cuối cùng của Nhà nước trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, có có ý nghĩa quan trọng trong việc giới hạn phạm vi tranh tụng và xét xử. Năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên được bộc lộ rõ nhất là khả năng lập luận khi đối đáp tại phiên tòa với các chủ thể tham gia tranh luận khác. Căn cứ để làm phát sinh việc đối đáp tại phiên tòa là quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng.

Như vậy, lời luận tội của Kiểm sát viên là nhằm mục đích chứng minh cho Hội đồng xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thấy tính đúng đắn và có căn cứ của việc kết tội bị cáo về hành vi phạm tội cụ thể. Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tại Điều 321 quy định rõ ràng việc luận tội của Kiểm sát viên là phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi cho đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa...”. So với Bộ luật tố tụng hình sự 2003, quy định này được bổ sung mới hoàn toàn nhằm đề cao trách nhiệm của Kiểm sát viên. Kiểm sát viên phải chủ động trong thủ tục xét hỏi, lắng nghe ý kiến của các bên tranh tụng để việc luận tội đảm bảo tính thuyết phục, tính có căn cứ, tính khách quan và phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau lời luận tội của Kiểm sát viên là đến phần trình bày lời bào chữa của bị cáo. Nếu bị cáo có người bào chữa thì người bào chữa trình bày lời bào chữa, sau đó bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa, bị cáo có quyền đề nghị Chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu Chủ tọa phiên tòa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa. Việc quy định này tại điểm h và i khoản 2 Điều 61, Điều 322 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 là biểu hiện quyền bào chữa của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phải tạo điều kiện để cho họ trình bày hết ý kiến của mình nhằm đảm bảo tính tranh tụng tại phiên tòa và đảm bảo quyền con người của bị cáo.

Cuối cùng là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền và nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi cho mình. Nếu những người này có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình thì họ chỉ được phát biểu ý kiến bổ sung sau khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ trình bày ý kiến theo khoản 3 Điều 320 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Về lý luận, trình tự phát biểu tranh luận tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo quy định trên là phù hợp. Tuy nhiên việc quy định luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa là không khả thi, thực tiễn không thực hiện được. Do ở thời điểm Kiểm sát viên trình bày lời luận tội thì bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa chưa có ý kiến. Vì vậy, Kiểm sát viên sẽ không biết ý kiến của những người này như thế nào để thực hiện vào luận tội của mình

2.1.3.3. Nội dung tranh luận:

Điều 322 khoản 2 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định “... Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của các chủ thể tham gia tranh luận tại phiên tòa. Nghĩa là khi họ nêu ra bao nhiêu vấn đề thì Kiểm sát viên phải đáp lại bấy nhiêu cho dù các vấn đề, các ý kiến đó có thể đúng, hoặc có thể che giấu hay ngụy biện thì Kiểm sát viên với vai trò chủ thể thay mặt Nhà nước phải đáp lại bằng lập luận, chứng cứ, cơ sở pháp lý để chỉ ra được những bất hợp lý, những điểm “ không thể chấp nhận” được. Vì thế yêu cầu tranh luận của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa; nội dung luận tội (đối đáp) cần phải phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ, đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả gây ra, vai trò, trách nhiệm và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đề xuất áp dụng pháp luật và vận dụng chính sách xử lý cho phù hợp. Đồng thời phải phân tích, phê phán thủ đoạn phạm tội của bị cáo; tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, phê phán những nhận thức lệch lạc, sai trái của bị cáo để lên án trước dư luận.

Ngoài ra, Điều 322 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 cũng quy định “người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại. Chủ tọa phiên tòa có quyền đề nghị Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận”. Như vậy, quy định này đã *không hạn chế thời gian và số lần đối đáp* giữa các bên nhằm bảo đảm việc xét xử công bằng, dân chủ, đáp ứng được yêu cầu tranh tụng tại phiên tòa mà Nghị quyết 08 NQ – TW của Bộ chính trị đưa ra.

Nếu qua tranh luận xét thấy có những vấn đề được nêu ra nhưng chưa được xét hỏi, cần phải xem xét thêm chứng cứ thì Hội đồng xét xử có thể quyết định trở lại phần xét hỏi, xét hỏi xong phải tiếp tục tranh luận (Điều 323 Bộ luật tố tụng hình sự 2015) và việc tranh luận cũng phải đảm bảo theo luật định. Có thể nhận thấy luận tội và đối đáp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Luận tội là tiền đề cho đối đáp, còn đối đáp là đưa ra những luận chứng, luận cứ để củng cố chứng minh cho luận tội là có cơ sở. Nếu trong phiên tòa chỉ có tranh luận mà không có đối đáp thì chỉ là lời nói theo một chiều, không làm rõ được vấn đề có ý kiến trái ngược nhau. Đối đáp là cơ hội cho các chủ thể tham gia tranh luận thuyết phục Hội đồng xét xử tin vào tính đúng đắn và hợp pháp của những luận điểm mà họ đã trình bày trước đó. Việc đối đáp, tranh luận giữa Kiểm sát viên với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác sẽ làm cho phiên tòa trở nên sống động hơn, khách quan hơn, xóa bỏ suy nghĩ lâu nay vẫn tồn tại trong xã hội đối với các cơ quan tố tụng là xét xử kiểu “án bỏ túi”, “án tại hồ sơ”. Đối đáp, tranh luận tốt một mặt sẽ nâng cao vị thế của Kiểm sát viên, Luật sư tại phiên tòa, mặt khác góp phần thể hiện bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Sau khi những người tham gia tranh luận không trình bày gì thêm, Chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần tranh luận và cho bị cáo nói lời nói sau cùng trước

khi Hội đồng xét xử án vào nghị án (Điều 324 Bộ luật tố tụng hình sự 2015). Đây là thời điểm cuối cùng, là cơ hội cuối cùng để bị cáo và Hội đồng xét xử xác định được sự thật khách quan của vụ án nếu quá trình tố tụng trước đó còn có những vấn đề khuất tất, chưa đúng sự thật, thiếu khách quan. Vì vậy, lời nói sau cùng này của bị cáo có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với các quyết định của Hội đồng xét xử vì nếu bị cáo trình bày thêm tình tiết mới thì Hội đồng xét xử phải quyết định trở lại xét hỏi và tiếp tục tranh luận. Hội đồng xét xử không được đặt câu hỏi nhưng có quyền yêu cầu bị cáo chỉ trình bày những vấn đề liên quan đến vụ án và không được hạn chế thời gian đối với bị cáo.

Trong quá trình tranh luận, khi Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì Hội đồng xét xử vẫn phải tiếp tục xét xử vụ án. Trong trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì trước khi nghị án, Hội đồng xét xử yêu cầu những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trình bày ý kiến về việc rút quyết định truy tố đó.

Qua thực tiễn tranh luận trong các phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản đã diễn ra dân chủ, công khai, đúng pháp luật... Tuy nhiên vẫn còn có những hiện tượng, Kiểm sát viên và Luật sư không tranh luận với nhau hoặc thường một bên Kiểm sát viên trình bày luận tội thì Luật sư bào chữa chỉ bào chữa và trình bày các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại phiên tòa, ngoài ra họ không tranh luận gì, đây là tư tưởng còn e dè, nể nang nhau. Ví dụ trong phiên tòa xét xử bị cáo Lê Văn Trường ngày 12/8/2015 về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản “ (Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2015/HSST) của Tòa án nhân dân quận Bình Tân sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và Luật sư phát biểu lời bào chữa là những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo mà lẽ ra những tình tiết này nếu không có Luật sư bào chữa thì Hội đồng xét xử vẫn phải xem xét cho bị cáo khi nghị án, cũng có nhiều phiên tòa tuy không có Luật sư bào chữa cho bị cáo nhưng bị cáo cũng không phát biểu tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, mà hầu như chấp nhận hoàn toàn vào chứng cứ buộc tội của Viện kiểm sát như vụ án Ngô Trí Hưng bị truy tố về tội “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo bản

án số 22/2016/HSST ngày 18/01/2016 và vụ án Nguyễn Ngọc Nhiên bị truy tố về tội “Chống người thi hành công vụ” theo bản án số 12/2015/HSST ngày 23/01/2015, có phiên tòa Kiểm sát viên không tranh luận để làm sáng tỏ nội dung vụ án mà tại phiên tòa người bị hại nêu ra các vấn đề mới, ví dụ như phiên tòa ngày 08 tháng 3 năm 2016 bị cáo Dương Văn Phúc và đồng bọn bị truy tố về tội “ hủy hoại tài sản”, tại phiên tòa người bị hại là ông Nguyễn Hoàng Hải khai “ chính bị cáo Dương Văn Phúc là người trực tiếp gây thương tích cho ông nhưng bị cáo Phúc không thừa nhận, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhận dạng ...nhưng vẫn không xác định được ai gây thương tích nên chưa có cơ sở để xem xét các bị cáo về tội “ Cố ý gây thương tích”. Tại phiên tòa Kiểm sát viên không có tranh luận làm sáng tỏ nội dung trên mà phát biểu giữ y quan điểm như cáo trạng truy tố (Bản án số 68/2016/HSST ngày 08/3/2013).

2.1.4. Thực trạng nghị án và tuyên án

2.1.4.1. Thực trạng nghị án

Việc nghị án được tiến hành ngay sau khi kết thúc phần tranh luận, Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để thảo luận và quyết định về vụ án, chỉ có Thẩm phán và Hội thẩm mới có quyền nghị án. Hội đồng xét xử tiến hành nghị án trong phòng riêng, không ai được tiếp xúc với Hội đồng xét xử, không được vào phòng nghị án cũng như có tác động khác lên quá trình nghị án. Khi nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề một, Thẩm phán biểu quyết sau cùng, người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình và được bảo lưu ý kiến bằng văn bản và được đưa vào hồ sơ vụ án (khoản 1 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự). Như vậy, Chủ tọa phiên tòa là người điều khiển việc nghị án, nêu các vấn đề cần giải quyết như tội danh, điều luật cần áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, mức bồi thường thiệt hại, xử lý tang vật, án phí hình sự, án phí dân sự...để Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết. Điều luật chỉ quy định Thẩm phán biểu quyết sau cùng chứ không phải là người phát biểu ý kiến sau cùng. Vì vậy, trong khi nghị án thứ tự phát biểu, thảo luận là không bắt buộc.

Khi nghị án, Hội đồng xét xử chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Nếu qua việc nghị án thấy có tình tiết của vụ án chưa được xét hỏi hoặc xét hỏi chưa đầy đủ thì Hội đồng xét xử quyết định trở lại việc xét hỏi và tranh luận. Trong trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì Hội đồng xét xử vẫn giải quyết những vấn đề của vụ án theo trình tự quy định tại khoản 1 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Nếu có căn cứ xác định bị cáo không có tội thì Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không có tội; nếu thấy việc rút truy tố không có căn cứ thì quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp (khoản 2, 3 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự 2015)

Việc nghị án phải có biên bản ghi lại các ý kiến đã thảo luận và quyết định của Hội đồng xét xử. Biên bản nghị án phải được tất cả các thành viên Hội đồng xét xử ký tại phòng nghị án trước khi tuyên án (khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng hình sự 2015).

2.1.4.2. Thực trạng tuyên án

Việc tuyên án được quy định tại Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Theo đó, về nguyên tắc, mọi người trong phòng xử án phải đứng khi nghe Tòa tuyên án, thể hiện thái độ tôn trọng quyết định của Tòa án nhân danh Nhà nước. Do đó, trước khi tuyên án, Thư ký Tòa án phải yêu cầu mọi người đứng dậy trừ trường hợp vì lý do sức khỏe được Chủ tọa phiên tòa cho phép ngồi tại chỗ. Việc tuyên án do Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử đọc nguyên văn bản án, nếu bản án dài thì có thể thay nhau đọc bản án. Trong trường hợp thời gian tuyên án dài thì sau khi đọc xong phần đầu của bản án, Chủ tọa phiên tòa có thể cho phép mọi người trong phòng xử án ngồi nghe tuyên án (đến phần quyết định Chủ tọa phiên tòa tiếp tục yêu cầu họ đứng dậy), riêng bị cáo vẫn phải đứng nghe toàn bộ phần tuyên án. Sau khi đọc xong, tùy từng trường hợp cụ thể Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử giải thích thêm về việc chấp hành án, chế định án treo (nếu có), quyền kháng cáo...

Đối với bị cáo không biết tiếng Việt, thì ngay sau khi tuyên án người phiên dịch phải đọc lại cho bị cáo nghe toàn bộ bản án sang thứ tiếng bị cáo biết. Bản án này cần được hiểu là phần bản án có liên quan đến bị cáo không biết tiếng Việt, có nghĩa là người phiên dịch chỉ phải đọc lại cho bị cáo nghe toàn bộ phần bản án có liên quan đến bị cáo không biết tiếng Việt. Ngay sau khi kết thúc phần tuyên án là hoàn tất phiên tòa xét xử sơ thẩm một vụ án hình sự.

Nghị án là thủ tục tổ tụng gần cuối của phiên tòa nhưng lại được thực hiện trong phòng riêng do Thẩm phán và Hội thẩm thực hiện, không ai có quyền được tham dự. Do đó, thực trạng nghị án diễn ra như thế nào hầu như chúng ta không có thông tin để biết. Chúng ta chỉ biết khi bản án ở cấp sơ thẩm bị Tòa án cấp trên hủy do biên bản nghị án không phản ánh hết những nội dung quyết định của bản án, như điều luật áp dụng sai, thành viên Hội đồng xét xử ghi không đúng...

Pháp luật tổ tụng hình sự qui định qua quá trình xét hỏi, tranh luận và nghị án nếu không đủ chứng cứ buộc tội bị cáo thì Hội đồng xét xử phải tuyên bị cáo không phạm tội, nhưng thông thường nhiều trường hợp Hội đồng xét xử không tuyên án mà ra quyết định hoãn phiên tòa để trả hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp để điều tra bổ sung, còn việc điều tra như thế nào là thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát và cơ quan Cảnh sát điều tra. Ví dụ như vụ án Trần Mạnh Quận bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” thụ lý hình sự số 129/2017/HSST ngày 07/07/2017 và quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 17/2017/HSST-QĐ ngày 04/08/2017. Bên cạnh những sai sót về mặt tổ tụng vẫn còn thực trạng do thiếu phòng cho Kiểm sát viên ngồi khi Hội đồng xử án vào phòng nghị án nên nhiều khi Kiểm sát viên “không biết ngồi ở đâu” nên vào ngồi chung trong phòng với Hội đồng xét xử khi nghị án. Thông thường các tòa cấp quận, huyện cũng như Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh không có phòng nghị án riêng cách xa phòng xử mà thường được bố trí ngay sau phòng xử nên khi nghị án nhiều khi bên ngoài vẫn nghe được những vấn đề Hội đồng xét xử thảo luận bên trong

2.2.Đánh giá thực trạng phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Những thành quả và điều kiện thuận lợi từ thực tiễn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Để mô tả được thực trạng của tình hình các tội phạm được đưa ra xét xử trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017 thông qua số vụ phạm tội và số bị cáo đã bị Tòa án xét xử, tuyên bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Theo số liệu thống kê, số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tất cả các loại tội trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017 diễn biến như sau:

Bảng 2.1: Kết quả thụ lý, xét xử các vụ án hình sự trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (2013 – 2017)

Năm	Kết quả thụ lý		Kết quả giải quyết		Tỷ lệ
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	
2013	486	1.104	486	1.104	100
2014	468	941	468	941	100
2015	429	665	429	665	100
2016	388	551	388	551	100
2017	261	356	261	356	100
Cộng	2.032	3.617	2.032	3.617	100

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh)

Qua thực tiễn xét xử trong những năm qua kể từ khi có Nghị quyết 08/NQ-TW và Nghị quyết 49/NW-TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành Phố Hồ Chí Minh đã thực hiện tốt công tác xét xử các loại án nói chung và án hình sự nói riêng với số lượng án hình sự thụ lý và giải quyết hàng năm từ năm 2013 đến năm 2017 luôn đạt tỷ lệ giải quyết 100%, không có án tồn đọng. Chất lượng xét xử nâng cao rõ rệt, tình hình tội phạm có xu hướng giảm dần quan từng năm, chứng tỏ rằng kết quả phiên tòa xét xử hình sự các loại tội phạm đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã đảm bảo tốt nguyên tắc xử lý: nghiêm trị những kẻ chủ mưu, cầm đầu, chỉ

huy, ngoan cố chống đối, lưu manh côn đồ... đồng thời áp dụng chính sách khoan hồng đối với người tự thú, người thành khẩn khai báo. Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm xét xử của đội ngũ Thẩm phán ngày càng được nâng lên, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị mà Đảng và nhân dân giao phó.

Mặc dù thời gian qua tình hình tội phạm tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh vẫn diễn biến hết sức phức tạp, các tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng về cố ý gây thương tích, tội phạm về ma túy, tội phạm giao cấu với trẻ em, tội trộm cắp...có xu hướng gia tăng nhưng thực tế cho thấy hầu hết các vụ án được Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và đã được đưa ra xét xử kịp thời, tỷ lệ giải quyết án hàng năm rất cao. Trong đó có nhiều vụ án nghiêm trọng về xâm phạm trật tự xã hội, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân, được dư luận quan tâm như: Vụ Lâm Mạnh Nhi bị truy tố về tội “ Tổ chức đánh bạc (bản án số 336/2013/HSST ngày 30/9/2013), Trương Đình Bảo Tân bị truy tố về tội “ Cướp giật tài sản” (Bản án số 296/2014/HSST ngày 17/09/2014); Lý Thị Kim Hoàng bị truy tố về tội “Xâm phạm mồ mã, hài cốt” (bản án số 256/2015/HSST ngày 20/11/2015), Võ Văn Toàn bị truy tố về tội “ Cường đoạt tài sản và bắt người trái pháp luật” (bản án số 92/2016/HSST ngày 23/03/2016), Sỳ Vĩnh Sáng bị truy tố về tội “ Cố ý gây thương tích” (bản án số 52/2017/HSST ngày 16/03/2017), Võ Ái Quốc bị truy tố về tội “Cường đoạt tài sản” (bản án số 63/2017/HSST ngày 28/3/2017), Nguyễn Cao Nhân bị truy tố về tội “Cướp tài sản” (bản án số 89/2017/HSST ngày 17/9/2013),... được xã hội quan tâm, đồng tình. Chất lượng xét xử ngày càng nâng cao với sự đổi mới thủ tục xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và theo tinh thần cải cách tư pháp của Bộ Chính trị đề ra.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thể hiện được tính khách quan, tôn trọng lắng nghe ý kiến của cả Kiểm sát viên, Luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Phiên tòa đã thể hiện được tính dân chủ, bình đẳng giữa những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong việc đưa ra chứng cứ, bày tỏ quan

điểm khác nhau đều được Hội đồng xét xử tôn trọng và dành thời gian tại phiên tòa thỏa đáng cho các bên tranh luận xác định sự thật khách quan. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã khắc phục được tình trạng thiếu thận trọng, đại khái qua loa trong việc nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị đề cương thẩm vấn, dự đoán được những tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa để có hướng xử lý kịp thời, đối với những vụ án phức tạp thẩm phán chủ động lập kế hoạch xét hỏi và đề xuất với lãnh đạo các phương án bảo vệ phiên tòa.

Đối với những vụ án có tính chất nghiêm trọng, án điểm Tòa án nhân dân quận Bình Tân phối hợp với Viện kiểm sát đưa ra xét xử lưu động tại các địa phương nơi tội phạm xảy ra, từ năm 2013 đến 2017 diễn biến như sau:

Bảng 2.3: Kết quả xét xử lưu động trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (2013 – 2017)

Năm	Kết quả xét xử		Kết quả xét xử lưu động		Tỷ lệ
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	
2013	426	839	71	93	16,67
2014	423	839	75	92	17,73
2015	299	484	69	87	23,08
2016	336	481	30	47	8,93
2017	238	319	43	51	18,07
Cộng	1.722	2.962	288	370	84,48
Trung bình	344,4	592,4	57,6	74	16,90

(Nguồn: thống kê Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh)

Trung bình mỗi năm, Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã đưa ra xét xử lưu động trên 57 vụ án, Tòa án phối hợp với các cơ quan ban ngành tại địa phương để chuẩn bị phục vụ cho phiên tòa được xét xử theo đúng dự kiến, tránh những điều đáng tiếc xảy ra.

Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa khẳng định được bản lĩnh của người Chủ tọa điều khiển phiên tòa, thể hiện đúng vai trò là người trọng tài tại phiên tòa, tạo điều kiện phát huy quyền tự bào chữa, tranh luận tại phiên tòa cho bị cáo, tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa tranh luận dân chủ với bên buộc tội.

Nội dung xét hỏi đã được Chủ tọa phiên tòa hỏi mạch lạc, rõ ràng, logic và trọng tâm vào các tình tiết cần làm sáng tỏ như các tình tiết định tội; các tình tiết định khung hình phạt; các tình tiết có ý nghĩa đối với việc quyết định hình phạt như tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các đặc điểm về nhân thân của bị cáo; các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vấn đề dân sự, xử lý vật chứng, xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Trên cơ sở những vấn đề cơ bản đó, tùy từng vụ án cụ thể, Thẩm phán đã xác định được một cách chính xác những điểm mấu chốt cần làm rõ tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để từ đó có những quyết định đúng đắn, khách quan, vô tư, hợp lý hợp tình.

Hội thẩm nhân dân hằng năm đều được tập huấn nghiêm vụ chuyên sâu, được cấp phát tài liệu nghiên cứu và tích cực tham gia nghiên cứu hồ sơ trước khi xét xử, từ đó đa số ý kiến của Hội thẩm là thành viên Hội đồng xét xử đều đúng theo quy định của pháp luật, làm cho chất lượng công tác xét xử ngày càng nâng cao, không có án bị hủy và hạn chế tối đa án bị cải sửa.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã có những thay đổi cơ bản về kỹ năng nghiệp vụ trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị và viết cáo trạng, luận tội ngắn gọn nhưng đầy đủ, xúc tích. Hiện tượng cáo trạng, luận tội được viết sơ sài hoặc dập khuôn máy móc đã dần được khắc phục. Nội dung và hình thức của cáo trạng, luận tội cơ bản thể hiện rõ lập luận, quan điểm buộc tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo. Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã tham gia phần xét hỏi nhiều hơn, những câu hỏi cũng ít trùng lặp với những câu hỏi mà Hội đồng xét xử đã xét hỏi trước đó, nội dung các câu hỏi đã đi vào trọng tâm vấn đề, làm rõ những điểm còn mâu thuẫn. Kiểm sát viên cũng có thái độ tôn trọng và lắng nghe phần xét hỏi của Luật sư, người bào chữa khi họ thực hiện chức năng gỡ tội cho bị cáo. Bên cạnh đó, Kiểm sát viên đã thể hiện được bản lĩnh chính trị khi tham gia tranh luận, đối đáp lại với bên bị buộc tội, với Luật sư bào chữa, các chứng cứ đều đã được Kiểm sát viên phân tích, đánh giá khi luận tội bảo vệ cáo trạng, phát biểu tại phiên tòa, ví dụ như vụ án Lâm Thành Lợi bị truy tố về tội “Giao cấu với trẻ em” (bản án số 48/2015/HSST ngày 12/3/2015...)

Thư ký Tòa án đã được đào tạo 100% lớp nghiệp vụ Thư ký do Tòa án nhân dân Tối cao tổ chức và được bố trí sắp xếp, phân công nhiệm vụ phù hợp, từ sự làm việc khoa học và có kỹ năng của Thư ký cũng góp phần cho công tác xét xử hoàn thiện hơn, đạt chất lượng tốt hơn.

Nhận thức được cơ sở vật chất cũng quyết định một phần sự thành công của phiên tòa nên thời gian gần đây, Tòa án nhân dân quận Bình Tân được Tòa án nhân dân Tối cao cấp nhiều máy móc, thiết bị hiện đại phục vụ phiên tòa như lắp đặt hệ thống âm thanh, màn hình camera trong phòng xử (03 phòng xử án) hay chính quyền địa phương cũng hỗ trợ phương tiện là xe ô tô để phục vụ cho các phiên tòa lưu động được tốt hơn.

Sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng Cơ quan điều tra – Viện Kiểm sát – Tòa án và giữa cơ quan Tòa án với các ban, ngành, đoàn thể của chính quyền địa phương đã góp phần tích cực cho việc tổ chức phiên tòa, đặc biệt là các phiên tòa xét xử lưu động.

2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc từ thực tiễn xét xử tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, quá trình tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn tồn tại không ít những hạn chế, vướng mắc, bất cập chưa đáp ứng được những yêu cầu và mục tiêu của tố tụng hình sự cũng như trong công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Qua nghiên cứu thực tiễn phiên tòa xét xử, tác giả nhận thấy vẫn còn nhiều hạn chế, vướng mắc từ quy định của pháp luật, trình độ của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng,... cụ thể như sau:

2.2.2.1 Quy định của pháp luật hiện hành có chỗ chưa đầy đủ, chưa rõ ràng và chưa hợp lý:

Mô hình tố tụng của nước ta chưa được xác định một cách rõ ràng theo hướng nào giữa mô hình tố tụng thẩm vấn và mô hình tố tụng tranh tụng trong các quy định của pháp luật nên mặc dù Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi khá tiên bộ về tranh tụng cũng như trách nhiệm chứng minh tại phiên

tòa. Tuy nhiên quy định pháp luật về xét xử phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự còn nhiều hạn chế, trình tự thủ tục tại phiên tòa quy định chưa phù hợp làm hạn chế chức năng xét xử của Tòa án cũng như chức năng buộc tội của Viện kiểm sát và hạn chế chức năng bào chữa của người bào chữa, yếu tố tranh tụng còn khá mờ nhạt, ranh giới giữa các chức năng buộc tội, bào chữa, xét xử chưa thật sự rõ ràng, đồng thời việc xác định trách nhiệm chứng minh vụ án chưa cụ thể.

Như chúng ta từng biết, sự có mặt của người tham gia tố tụng giúp cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án, đồng thời đảm bảo cho họ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án. Tuy nhiên BLTTHS chỉ quy định sự có mặt của Kiểm sát viên, bị cáo là bắt buộc (trừ một số trường hợp do luật định); còn sự có mặt của những người tham gia tố tụng khác thì mang tính tùy nghi như trong các Điều 292, 293 và 294 của BLTTHS, khi người tham gia tố tụng được triệu tập vắng mặt thì tùy từng trường hợp mà Tòa án có quyền quyết định tiếp tục hay hoãn phiên tòa. Điều này có thể dẫn đến sự thiếu khách quan trong xét xử của Tòa án, khi trên thực tế ở một số phiên tòa, Thẩm phán chỉ công bố lời khai “thuận chiều”, phù hợp với đánh giá của Hội đồng xét xử, còn các lời khai khác thường không được công bố

Trong phần mở đầu của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được quy định từ Điều 300 đến Điều 305 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 khá rõ ràng, cụ thể và hợp lý... Tuy nhiên, Điều 303 và 304 quy định về trách nhiệm cam đoan làm tròn nhiệm vụ, khai trung thực của người phiên dịch, người dịch thuật... chưa rõ ràng, cụ thể, không quy định về thủ tục, hình thức thực hiện cam đoan trước Tòa án về trách nhiệm tôn trọng sự thật của các chủ thể này. Điều 305 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định “Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem có ai yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét hay không”. Quy định này nhằm bảo đảm sự bình đẳng trước Tòa án giữa đại diện Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác. Tuy nhiên, yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét chỉ được giải quyết khi tiến hành thủ tục bắt đầu phiên

tòa nhưng không được quy định trong phần thủ tục tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy khi vụ án đang tiến hành thủ tục tranh tụng mà người tham gia muốn yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét thì lại không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

Về quyền xét hỏi tại phiên tòa: theo quy định tại chương XX của BLTTHS thì chỉ có Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự có quyền hỏi, còn những người tham gia phiên tòa chỉ có quyền đề nghị với Chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Tuy nhiên, các quy định này thể hiện chưa thật rõ ràng dẫn đến cách hiểu là người tham gia tố tụng theo nghĩa vụ để bảo vệ công lý như người làm chứng, người giám định, người phiên dịch cũng có quyền đề nghị. Và theo quy định tại Điều 309 BLTTHS thì có thể hiểu rằng, những người tham gia tố tụng chỉ có quyền đề nghị với Chủ tọa phiên tòa xét hỏi thêm đối với bị cáo chứ không có quyền đề nghị hỏi thêm những người tham gia tố tụng khác, đặc biệt là người làm chứng.

Theo quy định hiện hành trong phần xét hỏi thì việc xét hỏi tại phiên tòa được thực hiện chủ yếu bởi Hội đồng xét xử, việc xét hỏi nhằm làm rõ những tình tiết dùng làm chứng cứ để truy tố bị cáo lại không phải là nhiệm vụ chính của Viện kiểm sát mà phụ thuộc vào Hội đồng xét xử. Quy định này chưa phù hợp với thực tế cũng như theo tinh thần cải cách tư pháp. Vì theo quy định Viện kiểm sát thực hiện chức năng buộc tội nên tại phiên tòa, Kiểm sát viên phải thực hiện việc xét hỏi để bảo vệ sự buộc tội đó, người bào chữa thực hiện chức năng gỡ tội nên họ thực hiện việc xét hỏi để bào chữa cho bị cáo. Trong khi đó, Tòa án đóng vai trò “trung gian”, chỉ xét xử và phán quyết trong phạm vi giới hạn của sự buộc tội. Cho nên, khi tiến hành thủ tục xét xử, Hội đồng xét xử chỉ lắng nghe và Chủ tọa phiên tòa giữ quyền điều hành phiên tòa, quyết định cho ai hỏi ai, duy trì thời gian hỏi và có quyền cắt các ý kiến không đúng trọng tâm. Trên thực tế có những vụ án, Hội đồng xét xử “lấn sân” hỏi hết cả phần của Kiểm sát viên, Luật sư dẫn đến việc khi Chủ tọa phiên tòa quay sang hỏi Kiểm sát viên, Luật sư xem có ai tham gia phần xét hỏi không thì nhận được câu trả lời “nhận thấy Hội đồng xét xử đã hỏi rõ những vấn đề liên quan

đến vụ án nên Kiểm sát viên không tham gia phần xét hỏi”, còn Luật sư thì trả lời “chúng tôi không xét hỏi gì thêm”. Thực trạng này đã biến phiên tòa trở thành nơi “độc diễn” của Hội đồng xét xử. Chúng ta đều biết chức năng buộc tội xuất hiện trước tiên và là tiền đề cần thiết cho chức năng xét xử, tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hiện việc xét hỏi để bảo vệ sự buộc tội đó, người bào chữa thực hiện chức năng gỡ tội, nên họ thực hiện việc xét hỏi để bào chữa cho bị cáo. Tòa án chỉ xét xử và ra phán quyết trong phạm vi giới hạn của sự buộc tội đó. Trong mối quan hệ giữa Kiểm sát viên và Hội đồng xét xử tại phiên tòa thì Kiểm sát viên phải chủ động thực hiện các hoạt động buộc tội bằng cách chủ động xét hỏi để làm rõ các tình tiết của vụ án vì chính Viện kiểm sát là chủ thể truy tố bị cáo ra trước tòa bằng bản cáo trạng kết tội bị cáo. Về nguyên tắc, ai đưa ra yêu cầu thì người đó phải chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ, là đúng pháp luật. Do vậy, quy định của pháp luật tố tụng hiện hành về trình tự xét hỏi tại phiên tòa thể hiện sự bất cập, cần phải được sửa đổi.

Phản tranh luận chính là phần thể hiện tính tranh tụng nhất nhưng Chủ tọa phiên tòa chưa biết cách điều khiển để người bào chữa, bị cáo và những người tham gia khác tranh luận với Viện kiểm sát. Khi tranh luận thì trình bày “*chiếu lệ*”, thiếu cơ sở, thiếu chứng cứ thuyết phục, hoặc có không ít trường hợp quan điểm bên buộc tội và bào chữa là khác nhau, theo quy định pháp luật tố tụng hình sự các bên phải “*tranh luận*” với nhau nhưng Kiểm sát viên đã từ chối với lý do hết sức nhẹ nhàng: “*Chúng tôi vẫn giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố*”. Trong trường hợp này thay vì Hội đồng xét xử phải yêu cầu Kiểm sát viên tranh luận để làm rõ những ý kiến, đề nghị của người bào chữa, nhưng lại để đi cho qua, thậm chí nhiều Chủ tọa phiên tòa còn bảo vệ cho bên buộc tội nên đã tranh luận với bên bào chữa. Hay trong trường hợp căn cứ thay đổi những người tiến hành tố tụng theo Điều 302 Bộ luật tố tụng hình sự chỉ được đặt ra tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nhưng đến khi phiên tòa chuyển sang thủ tục tranh tụng, thì những người có quyền đề nghị mới phát hiện có căn cứ này và đề nghị thay đổi thì Bộ luật tố tụng 2015 lại không quy định về việc cho phép trở lại phần thủ tục mà chỉ cho phép trở lại phần xét hỏi (Điều

323 Bộ luật tố tụng), điều này có thể ảnh hưởng quyền của bị cáo và ảnh hưởng đến chất lượng xét xử.

Trong phần thủ tục nghị án và tuyên án, theo khoản 1 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định “....Nếu không có ý kiến nào chiếm đa số thì phải thảo luận và biểu quyết lại từng ý kiến của các thành viên Hội đồng xét xử đã đưa ra để xác định ý kiến chiếm đa số...”.Như vậy, trong trường hợp đã biểu quyết lại nhưng các thành viên của Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên quan điểm thì vẫn chưa có phương án cụ thể để giải quyết. Vì vậy, Bộ luật tố tụng hình sự 2015 cần phải được sửa đổi về trường hợp đã biểu quyết lại nhưng các thành viên của Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên quan điểm này.

2.2.2.2.Những hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

Ngoài những bất cập của pháp luật thì hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn của Chủ tọa phiên tòa - Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Luật sư... chưa giỏi, chưa sâu là nguyên nhân chính dẫn đến bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy, sửa. Năng lực, trình độ chuyên môn được thể hiện ở hai khía cạnh là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm khi tham gia phiên tòa.

Đối với Thẩm phán, kỹ năng điều khiển phiên tòa còn hạn chế. Một số Thẩm phán không chịu tu dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ nghề nghiệp và kỹ năng xét xử, tự thỏa mãn với trình độ, bằng cấp hiện có nên còn nhiều lúng túng, bị động khi phải xử lý tình huống thực tiễn xét xử tại phiên tòa hoặc ra quyết định trái với quy định pháp luật và vi phạm nghiêm trọng trình tự tố tụng. Bên cạnh đó, trình độ hiểu biết về pháp luật quốc tế, kiến thức xã hội, trình độ ngoại ngữ cũng như tin học của đội ngũ Thẩm phán còn nhiều bất cập. Vẫn còn những Thẩm phán thiếu bản lĩnh chính trị, thiếu ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống nên đã có các hành vi vi phạm trong thực hiện công vụ, thậm chí vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự.

Đối với Hội thẩm nhân dân đa phần là những người còn kiêm nhiệm hoặc đã nghỉ hưu nên về độ tuổi cũng như trình độ chuyên môn còn có phần bị hạn chế.

Nhiều Hội thẩm nhân dân không nghiên cứu hồ sơ trước khi ra ngồi xét xử hoặc có nghiên cứu thì cũng đại khái qua loa chưa đáp ứng được yêu cầu của người có quyền phán quyết ngang với Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa. Do đó, trên thực tế thì rất ít Hội thẩm thực hiện đúng trách nhiệm và nhiệm vụ mà pháp luật quy định cho mình, chế định Hội thẩm tham gia xét xử còn nặng tính hình thức, Hội thẩm còn ỷ lại quá nhiều vào Thẩm phán, không có tư duy độc lập; các quyết định của Hội đồng xét xử chủ yếu do Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đưa ra và Hội thẩm chỉ đồng ý; rất ít vụ án bản án của Hội đồng xét xử được thông qua tại phòng nghị án, công tác lựa chọn, bầu hoặc cử Hội thẩm cũng chưa được quan tâm, đặc biệt công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm chưa đáp ứng yêu cầu.

Đối với Kiểm sát viên do trình độ, năng lực của một số Kiểm sát viên hạn chế, việc nghiên cứu hồ sơ, chứng cứ một số vụ án chưa kỹ, chưa toàn diện, còn có biểu hiện chủ quan, đơn giản trong nghiên cứu nên không bảo vệ được quan điểm của Viện kiểm sát. Việc xét hỏi và tranh luận vẫn là khâu yếu ở cấp xét xử sơ thẩm, tình trạng Kiểm sát viên không tập trung theo dõi quá trình xét hỏi tại phiên tòa, không ghi chép các quan điểm khác nhau về từng vấn đề cần tranh luận, đối đáp với người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác, nên không đối đáp hoặc đáp lại không hết (thậm chí né tránh) các vấn đề của vụ án mà quan điểm của họ khác với Kiểm sát viên buộc Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa phải yêu cầu Kiểm sát viên tranh luận bổ sung. Thái độ khi tranh luận của một số Kiểm sát viên còn nóng nảy, thiếu kiềm chế, thể hiện sự phê phán, công kích nhau làm không khí phiên tòa thiếu nghiêm trang, căng thẳng, không phù hợp với văn hóa ứng xử tại phiên tòa.

Trong thực tiễn xét xử, chất lượng Luật sư bào chữa tại phiên tòa nhìn chung chưa cao, rất ít Luật sư đưa ra được những tài liệu, chứng cứ có tính thuyết phục để bảo vệ có hiệu quả cho thân chủ của mình. Hầu hết luật sư mới chỉ dựa vào hồ sơ vụ án và tìm ra trong đó những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Trong một số vụ án các Luật sư tranh luận gây gắt với nhau tạo ra không khí căng thẳng, thiếu văn hóa pháp lý tại phiên tòa. Luật sư chỉ tập trung xoay quanh quan điểm định tội danh hoặc tìm ra những chỗ chưa hoàn chỉnh của công tác điều tra để

“bất bẻ” chứ hiếm khi đưa ra được những bằng chứng phản bác có tính thuyết phục... Bên cạnh đó, còn nảy sinh tình trạng mâu thuẫn, căng thẳng trong khi tranh luận vì thái độ, ngôn ngữ mang tính hình thức, không phải xuất phát từ sự cò xát về chứng cứ, về luận điểm. Hoặc trong một số trường hợp đặc biệt có Luật sư chỉ định theo quy định của pháp luật thường thực hiện vai trò bào chữa chủ yếu là do nghĩa vụ mà chưa phát huy hết khả năng và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được bào chữa.

Tóm lại, kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên và Luật sư tại phiên tòa còn rất hạn chế và sự mất cân đối về số lượng giữa Luật sư và Kiểm sát viên(ví dụ 01 tỉnh có 180 Kiểm sát viên thì chỉ có khoảng 30 Luật sư) là vấn đề cần phải được hoàn thiện vì trong thực tiễn xét xử cho thấy Kiểm sát viên và Luật sư chưa có sự bình đẳng, đồng thời khả năng hệ thống, tổng hợp và phân tích đầy đủ các chứng cứ của vụ án, kỹ năng tranh luận, đối đáp tại phiên tòa còn hạn chế, chưa sắc bén, đặc biệt là những vụ án phức tạp, các bị cáo thực hiện tội phạm có tính chất đồng phạm...

Tham gia vào quá trình tranh tụng còn có bị cáo, người bị hại, người liên quan v.v..nhưng do nhận thức, ý thức pháp luật trong một bộ phận nhân dân vẫn còn hạn chế nên khi tham gia vào các giai đoạn tố tụng, nhiều người còn chưa nắm vững được luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên chưa thể ý thức được rằng họ tham gia vào quá trình tố tụng là cũng để bảo vệ pháp luật, giám sát việc thực thi pháp luật của các cơ quan tư pháp.

Thực trạng hiện nay trình độ, năng lực, cái tâm và cái tâm của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư vẫn chưa đồng đều, chưa làm hết trách nhiệm được giao. Cơ chế tiền lương và các chế độ đãi ngộ còn quá thấp so với nhiệm vụ được giao, số lượng án mà Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết hàng năm ngày càng quá tải, vì vậy Nhà nước cần phải tính đến lộ trình cải cách tiền lương cho công việc đặc thù, tổ chức nhiều hơn nữa việc tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng.

Hiện nay, Tòa án nhân dân cấp huyện chưa thành lập tòa chuyên trách mà Thẩm phán phải xét xử tất cả các loại án do Chánh án phân công. Vì vậy công tác

ngiên cứu pháp luật không sâu để dẫn đến việc xét xử bị cấp phúc thẩm hủy, sửa án. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành Tòa án nhân dân nói chung và Tòa án nhân dân quận Bình Tân phần lớn đã xuống cấp, không đáp ứng đủ phòng làm việc và phòng xét xử, các điều kiện làm việc khác cũng chưa được trang bị kịp thời, không có phòng riêng cho Viện kiểm sát ngồi, không có phòng tạm giữ bị cáo, không có phòng cách ly cho người làm chứng và các bên tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến tính trang nghiêm của phiên tòa cũng như ảnh hưởng nhiều đến quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác cũng chưa được đáp ứng. Đây là những bất cập, vướng mắc cần phải khắc phục, giải quyết triệt để trong giai đoạn tới.

Kết luận chương 2

Luận văn đã làm rõ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về trình tự, thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và thực tiễn áp dụng những quy định này tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó luận văn cũng đã phân tích những bất cập, vướng mắc của quy định pháp luật tố tụng hình sự hiện hành liên quan đến trình tự thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để có hướng hoàn thiện nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

3.1. Các định hướng hoàn thiện pháp luật về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở nước ta hiện nay

Trong những năm gần đây, để từng bước xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều hoạt động như rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường các chế định kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật; đổi mới bộ máy nhà nước từ việc tổ chức đến hoạt động, trong đó, chú trọng đến công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp; phát huy tính năng động sáng tạo, dân chủ của người dân trong mọi lĩnh vực. Đây là tiền đề, điều kiện căn bản để xây dựng nhà nước pháp quyền.

Một nhân tố góp phần xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam đó là phát huy vai trò của Tòa án trong thời kỳ hội nhập. Trong 40 năm qua, Tòa án đã góp phần đắc lực vào việc bảo vệ độc lập, chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, trật tự an toàn xã hội. Trong tình hình hiện nay, xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, ngành Tòa án cần phải phát huy vai trò của mình nhằm thực hiện thành công chiến lược cải cách tư pháp nói riêng và xây dựng Nhà nước pháp quyền nói chung.

Mục tiêu của chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 mà Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị đã đề ra là: “ Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam, hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”. Nhằm hạn chế tối đa oan sai, tiêu cực, xét xử đúng người, đúng tội, đồng thời Tòa án phải là khâu trọng tâm của quá trình cải cách tư pháp và xét xử là khâu trọng tâm của toàn bộ hoạt động tư pháp, theo đó phiên tòa là nơi mà Tòa án bằng thủ tục công khai, toàn diện thực hiện cuộc điều tra chính thức để xác định sự thật khách quan của vụ án, là giai đoạn trung tâm thể hiện đầy đủ nhất bản chất quá trình tố tụng nói chung và xét xử nói riêng.

Xuất phát từ bản chất, vai trò của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì việc hoàn thiện thủ tục tố tụng hình sự nói chung, thủ tục xét xử sơ thẩm nói riêng là một phần rất quan trọng và cấp thiết trong công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay ở nước ta, do đó cần phải đáp ứng những yêu cầu sau:

Một là, trên cơ sở phân định rõ ràng các chức năng buộc tội, bào chữa xét xử trong xét xử vụ án hình sự, đồng thời các quy định cũng phải được quy định trên cơ sở địa vị pháp lý của người tiến hành, người tham gia tố tụng trong vụ án;

Hai là, nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước, của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đối với công dân nói chung, người tham gia tố tụng nói riêng, đặc biệt là bị cáo;

Ba là, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của các quy định, chúng ta có thể tham khảo pháp luật tố tụng hình sự của các nước nhưng không thể không xuất phát từ điều kiện cụ thể của Việt Nam, nhất là khả năng bảo đảm vật chất, trình độ chuyên môn của người tiến hành tố tụng, ý thức pháp luật. . .

3.2.Các giải pháp hoàn thiện phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.

3.2.1. Xác định mô hình tố tụng hình sự ở nước ta trong thời gian tới.

Thực hiện tinh thần cải cách tư pháp của Đảng, chúng ta đang tiến hành nghiên cứu đổi mới mô hình tố tụng hình sự nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả và chất lượng hơn nữa hoạt động tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. Xu hướng của việc đổi mới được xác định theo Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị là *"Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai minh bạch chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp"*. Nghị quyết số 49-NQ/TW cũng nêu rõ: *"Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng*

theo hướng đảm bảo tính công khai dân chủ nghiêm minh: nâng cao chất lượng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp ". Trên cơ sở xác định mô hình tổ tụng hình sự hiện nay của nước ta là mô hình pha trộn, chịu ảnh hưởng lớn của mô hình tổ tụng hình sự lục địa, cho nên quá trình đổi mới cũng phải xuất phát từ thực tiễn tổ tụng hình sự Việt Nam, duy trì và phát huy những ưu điểm vốn có của mô hình tổ tụng thẩm vấn; đồng thời, tiếp thu có chọn lọc những hạt nhân hợp lý của mô hình tổ tụng tranh tụng phù hợp với truyền thống văn hóa, điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội cụ thể ở nước ta đó là tiếp tục xác định Tòa án có trách nhiệm trong việc xác định sự thật của vụ án.

Theo đó, Tòa án vẫn nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa, sau phần thẩm vấn của Kiểm sát viên và người bào chữa mà thấy còn những vấn đề chưa rõ, chưa đủ cơ sở cho việc ra phán quyết thì Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên, người bào chữa thẩm vấn thêm hoặc trực tiếp tiến hành thẩm vấn bị cáo, nhân chứng và những người tham gia tố tụng khác. Cải tiến các thủ tục tố tụng tại phiên tòa để bảo đảm tranh tụng dân chủ, bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa. Xác định rõ, chứng minh tội phạm là nghĩa vụ của bên buộc tội (Viện kiểm sát, Kiểm sát viên). Bên bào chữa được tạo cơ hội bình đẳng như Viện kiểm sát trong việc thực hiện chức năng bào chữa, chứng minh bị can, bị cáo không phạm tội hoặc giảm tội, giảm mức hình phạt. Các yêu cầu của bên buộc tội và bên bào chữa phải được Tòa án quan tâm đáp ứng như nhau. Tòa án phải thực sự là hiện thân của công lý, của sự khách quan, vô tư trong quá trình xét xử vụ án. Tòa chỉ thực hiện chức năng xét xử, bất kỳ thẩm quyền nào của Tòa án mâu thuẫn với chức năng xét xử, ảnh hưởng đến tính khách quan của Tòa án đều phải bị loại bỏ. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện để các bên tranh tụng dân chủ tại phiên tòa; tôn trọng và lắng nghe đầy đủ ý kiến của các bên, ra phán quyết trên cơ sở kết quả tranh tụng dân chủ tại phiên tòa.

3.2.2. Một số bất cập của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và kiến nghị hoàn thiện.

Trên cơ sở kế thừa Bộ luật tố tụng hình sự 2003 và cụ thể hóa Hiến pháp 2013 và Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014, Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã được

Quốc Hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/1/2018 đã khắc phục được những khó khăn, bất cập trong công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, bảo đảm cho Tòa án thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho người dân, bảo vệ quyền con người và bảo vệ pháp chế Xã Hội Chủ Nghĩa. Để thực hiện có hiệu quả chức năng xét xử, chúng ta cần tăng cường việc áp dụng và thực hiện tốt tinh thần các qui định của Bộ luật tố tụng hình sự, đồng thời cần bổ sung, sửa đổi một số quy định về phiên tòa hình sự ở cấp sơ thẩm như sau :

Theo kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới thì việc cam đoan làm tròn nhiệm vụ, khai trung thực của người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, người định giá tài sản, người làm chứng tại Điều 303 và Điều 304 Bộ luật tố tụng hình sự phải được thể hiện bằng văn bản và được đọc trực tiếp tại phiên tòa. Do đó nhằm cụ thể hơn nữa trách nhiệm cam đoan của những người nêu trên việc cam đoan phải thể hiện bằng văn bản và có chữ ký xác nhận của người cam đoan và phải được họ đọc trực tiếp tại phiên tòa trước khi làm nhiệm vụ là cần thiết. Đồng thời cần phải bổ sung các quy định về việc cho phép triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét; cho phép đưa ra yêu cầu thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký tòa án, người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật khi tiến hành tố tụng trong bất kỳ giai đoạn nào tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Vì theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, các yêu cầu nói trên chỉ được quy định tại thủ tục bắt đầu phiên tòa, nếu các yêu cầu này phát sinh sau khi phiên tòa đã chuyển sang thủ tục tranh tụng thì những người có quyền đề nghị sẽ không có căn cứ để thực hiện các yêu cầu nói trên

Bên cạnh đó, trong trình tự xét hỏi quy định tại Khoản 2 Điều 307 Bộ luật tố tụng thì khi xét hỏi từng người thì Chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định đề Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên ... thực hiện việc hỏi” là chưa hợp lý, cần nên được sửa đổi theo hướng Kiểm sát viên hỏi trước, tiếp đến là người bào chữa, người bảo vệ quyền nghĩa vụ liên quan đến vụ án tiến hành hỏi. Kiểm sát viên hỏi về các

tình tiết liên quan đến việc buộc tội, người bào chữa hỏi về các tình tiết liên quan đến việc gỡ tội; người bảo vệ quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án mà mình bảo vệ. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác hỏi về những tình tiết liên quan đến mình. Nếu thấy tình tiết có mâu thuẫn thì Hội đồng xét xử có quyền trực tiếp xét hỏi để làm rõ mâu thuẫn giữa các tình tiết. Việc sửa đổi quy định về thủ tục xét hỏi theo hướng này nhằm thể hiện vị trí trung tâm của Tòa án trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Tòa án là nơi phân xử, quyết định của Hội đồng xét xử phải dựa trên kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa.

Mặt khác, Tòa án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong tranh tụng. Tòa án phải tiến hành sắp xếp lại mô hình phòng xét xử các vụ án hình sự theo hướng như sau: thay vì Kiểm sát viên ngồi ngang hàng với Hội đồng xét xử thì thiết kế lại để Kiểm sát viên ngồi ngang hàng với người bào chữa. Vì nếu như cách sắp xếp như hiện nay thì chỗ ngồi của Luật sư có phần lép vế so với Kiểm sát viên, quá thấp và quá xa bị cáo, chưa tương xứng với vai trò của họ là một bên tranh tụng. Thư ký tòa án cũng được bố trí ngồi ở vị trí hợp lý khác, không thể ngồi trên và ngang hàng với Hội đồng xét xử. Thiết kế lại mô hình phiên tòa như vậy mới thể hiện được sự cân bằng giữa chức năng buộc tội và chức năng bào chữa; chức năng xét xử mới thật sự là chức năng trung tâm, hoạt động xét xử mới là hoạt động trọng tâm có tính chất quyết định, tại phiên tòa Kiểm sát viên chỉ là người tham gia tố tụng, hoàn toàn độc lập và bình đẳng với bên bào chữa. Đây là biểu hiện, là điều kiện để áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong Tố tụng hình sự.

Tóm lại, mặc dù BLTTHS 2015 đã có những thay đổi căn bản, toàn diện nhằm thực hiện mục tiêu và quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Đảng, đặc biệt là đổi mới quy định pháp luật về trình tự, thủ tục xét xử tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tuy nhiên, những quy định trên vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, dẫn đến việc xảy ra oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm, làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân vào hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Để bảo đảm hiệu quả của công tác xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đòi hỏi quy định pháp luật về trình tự, thủ

tục xét xử tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải rõ ràng, cụ thể, bao quát được các tình huống có thể xảy ra trên thực tế. Nhằm giúp cho việc áp dụng pháp luật đạt hiệu quả tối ưu đòi hỏi Tòa án nhân dân Tối cao phải kịp thời hướng dẫn và tập huấn những điểm mới đó cho Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân để quá trình áp dụng pháp luật trong thực tiễn được thống nhất, đạt hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Trên cơ sở các lớp tập huấn hướng dẫn thống nhất việc áp dụng pháp luật hình sự nói chung.

Ngoài ra cần sớm ban hành các thông tư hướng dẫn cụ thể đối với các quy định của BLTTHS 2015 là những quy định nào, vận dụng trong thực tiễn ra sao... để đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân nắm vững các quy định của pháp luật hình sự, trong đó có quy định tố tụng về phiên tòa xét xử các vụ án hình sự ở cấp sơ thẩm.

3.2.3. Nâng cao trình độ, năng lực cho Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên và người bào chữa.

Xây dựng đội ngũ Thẩm phán có trình độ chuyên môn giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm vì nó liên quan trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của việc tổ chức thực hiện phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Báo chí đã đưa tin về nhiều vụ án cho thấy chất lượng xét xử các vụ án của các Tòa án chưa cao, còn có trường hợp bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội, vi phạm pháp luật tố tụng. Trình độ nghiệp vụ của Thẩm phán còn hạn chế nên dễ bị lệ thuộc vào kết quả điều tra, khó có thể độc lập trong khi thực hiện chức năng xét xử. Hơn nữa, giữa các Thẩm phán trong cùng một Hội đồng xét xử, trình độ chuyên môn, năng lực xét xử, kinh nghiệm công tác khác nhau nên nhiều khi có sự phụ thuộc, ỷ lại với nhau. Do đó, việc xây dựng một cơ chế đào tạo đồng bộ, toàn diện cho các Thẩm phán là cần thiết trong tình hình hiện nay.

Trước hết cần tập trung xây dựng tiêu chuẩn của Thẩm phán cho phù hợp và khoa học, các tiêu chuẩn này phải thể hiện năng lực trên nhiều mặt (trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng điều khiển phiên tòa, tác phong, ngôn phong, phẩm chất

đạo đức, trình độ tin học, ngoại ngữ ...) và phải có sự phân hóa đối với từng cấp, từng vị trí công việc cụ thể. Cần tiến hành rà soát lại đội ngũ cán bộ Tòa án, đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định, xác định những mặt mạnh và những mặt hạn chế để xây dựng chiến lược cán bộ Tòa án từ nay đến 2020.

Đối với những trường hợp nào không còn đủ tiêu chuẩn cần kiên quyết cho đi đào tạo lại hoặc bố trí công việc khác phù hợp với khả năng, chuyên môn. Cùng với việc đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, cần chú trọng việc bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, các kiến thức xã hội, trình độ ngoại ngữ, tin học và khả năng sử dụng các kỹ thuật tiên tiến và kỹ năng thực hiện công tác dân vận cho đội ngũ cán bộ Tòa án, Thẩm phán ở cấp quận, huyện. Nghiên cứu tiến tới thực hiện việc thi sát hạch trước khi bổ nhiệm cán bộ có chức danh tư pháp. Nghiên cứu thủ tục bổ nhiệm theo hướng gọn, kịp thời, bảo đảm dân chủ, công khai nhằm xây dựng một đội ngũ Thẩm phán giỏi về nghiệp vụ chuyên môn, trong sáng về phẩm chất đạo đức, đáp ứng sự mong mỏi của nhân dân.

Đồng thời phải tăng cường trách nhiệm cho các Thẩm phán, vì khi trách nhiệm của Thẩm phán được tăng cường, họ phải chịu trách nhiệm về phán quyết của mình thì tinh thần trách nhiệm của họ với nhiệm vụ được giao sẽ được nâng cao và bản thân họ sẽ độc lập trong việc ra các phán quyết. Các Thẩm phán phải chịu trách nhiệm về những phán quyết mà mình đưa ra nhất là các trường hợp kết án oan người không có tội, cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật đối với các bị cáo phạm tội về tham nhũng, vi phạm an toàn giao thông, những trường hợp có tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy sửa cao do lỗi chủ quan của Thẩm phán hoặc các trường hợp sai sót do lỗi chủ quan gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, ảnh hưởng đến uy tín của nền tư pháp quốc gia. Trách nhiệm này cần được tập trung vào việc xây dựng bộ quy tắc ứng xử nghề nghiệp hợp lý và một cơ chế kỷ luật phù hợp đối với Thẩm phán hơn là việc quy định trách nhiệm bồi thường cá nhân khi xét xử oan người vô tội.

Nghiên cứu các quy định về bồi thường do bị oan theo Nghị quyết 388 của Ủy ban thường vụ quốc hội đối với Thẩm phán cho thấy có nhiều điểm còn bất cập.

Mục đích của trách nhiệm bồi thường cá nhân đối với Thẩm phán là thu lại khoản tiền ngân sách Nhà nước đã bỏ ra để bồi thường là khó có thể đạt được (với thu nhập của Thẩm phán như hiện nay họ sẽ không có khả năng tài chính để bồi thường); Thẩm phán sẽ cảm thấy bị áp lực nặng nề sẽ tìm đến và lệ thuộc vào “tập quán duyệt án, thỉnh thị án” để chia sẻ trách nhiệm.

Bên cạnh đó, Hội thẩm nhân dân là thành viên của Hội đồng xét xử, trực tiếp quyết định không chỉ là vấn đề có tội hay không có tội, mà còn cả vấn đề mức hình phạt và những vấn đề khác thuộc phạm vi bản án. Pháp luật cũng quy định và đòi hỏi khi xét xử, Hội thẩm nhân dân ngang quyền với Thẩm phán và khi xét xử, Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Như vậy, cần khẳng định rằng, song song với vị trí, vai trò của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân có vị trí, vai trò rất quan trọng trong hoạt động xét xử. Chính vì thế, việc nâng cao trình độ chuyên môn của Hội thẩm nhân dân như tổ chức tập huấn, đào tạo chuyên môn, nâng cao kiến thức pháp luật để Hội thẩm có thể hoàn thành đúng vai trò của mình trên thực tế cũng là một vấn đề hết sức quan trọng. Vì vậy, trong quá trình xem xét cử hoặc bầu Hội thẩm, vấn đề năng lực, trình độ chuyên môn của Hội thẩm cũng cần được hết sức quan tâm. Trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, hoàn toàn có thể mở rộng phạm vi đối tượng tham gia đội ngũ Hội thẩm nhân dân tùy theo điều kiện thực tiễn cụ thể và phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước qua từng thời kỳ. Từng bước nâng cao tiêu chí về năng lực, trình độ chuyên môn của Hội thẩm nhân dân, cần có những ưu tiên hợp lý đối với những người có năng lực, có khả năng chuyên môn.

Đối với Kiểm sát viên là một bên khi tham gia tranh tụng, do đó trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Kiểm sát viên rất quan trọng, trách nhiệm, kinh nghiệm của Kiểm sát viên sẽ góp phần nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Để đạt được như vậy ngoài kiến thức chuyên môn giỏi, kinh nghiệm ngồi xét xử nhiều đòi hỏi Kiểm sát viên phải nắm vững các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm. Ngành Kiểm sát cần xây dựng chế tài xử lý khi Kiểm sát viên không tham

gia tranh luận, không đối đáp với Luật sư bào chữa và những người tham gia tố tụng khác ví dụ chế tài cắt thi đua hàng năm, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ...Ngoài ra, hàng năm ngành Kiểm sát phải mở thêm các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, trao đổi nghiệp vụ định kỳ, hướng dẫn kỹ năng tranh luận, kỹ năng đối đáp và giải quyết các tình huống tại phiên tòa cho Kiểm sát viên.

Đối với người bào chữa, cần tăng cường đội ngũ Luật sư (cả về số lượng và chất lượng) và nâng cao vai trò, vị trí của Luật sư trong quá trình tranh tụng như Nghị quyết số 49 đã nêu “ *Đào tạo, phát triển đội ngũ Luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để Luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với Luật sư...*”. Để đạt được điều này, trước hết cần phải mở nhiều lớp đào tạo Luật sư vừa đảm bảo về số lượng, vừa đảm bảo về chất lượng đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, thi tuyển phải đảm bảo các tiêu chuẩn về năng lực và đạo đức nghề nghiệp của Luật sư. Hàng năm Liên đoàn Luật sư cũng cần rút kinh nghiệm từ thực tế cho các Luật sư, đồng thời Tòa án, Viện kiểm sát cần tạo điều kiện cho Luật sư tham gia tố tụng, rút ngắn thủ tục cấp đăng ký bào chữa theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản và thuận tiện, đồng thời cũng tạo điều kiện Luật sư tiếp cận đọc và photo hồ sơ được nhanh. Đồng thời, cần có quy định bảo vệ Luật sư hành nghề, xử lý nghiêm minh đối với Luật sư vi phạm pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

3.2.4. Tăng cường và mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến pháp luật

Tăng cường và mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế liên quan tới công tác Tòa án; chuẩn bị tốt nguồn nhân lực tham gia vào các định chế tài phán quốc tế. Cùng với sự hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hóa... là sự “lây lan” của các tội phạm có tính chất quốc tế vào Việt Nam. Xuất hiện ngày càng nhiều tình trạng người Việt Nam phạm tội ở nước ngoài, người nước ngoài phạm tội ở Việt Nam hoặc dùng Việt Nam là “bàn đạp” để thực hiện tội phạm ở nước thứ ba... Xuất phát từ đòi hỏi của thực tế, Bộ luật tố tụng hiện hành đã

dành Chương XXXVI để quy định chung về hợp tác quốc tế trong hoạt động tố tụng hình sự và Tòa án được xác định là cơ quan đầu mối trong tương trợ tư pháp về hình sự. Hợp tác quốc tế liên quan tới hoạt động xét xử của Tòa án đã góp phần không nhỏ trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là các tội phạm có tổ chức và khủng bố. Mặt khác cũng giúp cho Việt Nam chúng ta học hỏi được kinh nghiệm xét xử, cách thức điều khiển phiên tòa của các nước mà Việt Nam ký kết thỏa thuận hợp tác quốc tế trên lĩnh vực liên quan đến Tòa án. Từ đó đổi mới cách thức tổ chức phiên tòa cho phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và yêu cầu hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

3.3. Các giải pháp khác

Trong quá trình xây dựng các quy định của BLTTHS cần tăng cường tính minh bạch, nâng cao chất lượng tranh tụng, sử dụng ghi âm, ghi hình như một nguồn chứng cứ khi thực hiện các quy định của pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử...

Ngoài ra, cần đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật tiên bộ, hiện đại đồng bộ trong phòng xét xử nói riêng và trụ sở Tòa án nói chung nhằm đáp ứng cho việc tổ chức phiên tòa được tốt, cụ thể như: âm thanh, ánh sáng trong phòng xử phải đạt chuẩn để những người đi tham dự phiên tòa cũng như bản thân bị cáo, người tham gia tố tụng khác nghe rõ, theo dõi được diễn biến của phiên tòa. Đối với những phòng xử án lớn, xử những án trọng điểm cần có màn hình Led chiếu ra ngoài để mọi người quan tâm tiện theo dõi. Phòng xử phải có diện tích, bàn ghế phù hợp quy cách, đảm bảo chất lượng... Tăng cường công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án theo đề án tổng thể phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Tòa án giai đoạn 2016 – 2021.

Kết luận chương 3

Luận văn đã nêu và phân tích những kiến nghị nhằm sửa đổi, bổ sung pháp luật tố tụng hình sự và hoàn thiện về yếu tố con người cũng như điều kiện khác nhằm đảm bảo cho việc đổi mới tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, nâng cao trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố

tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử như Nghị quyết số 49NQ/TW của Bộ chính trị đã nêu.

KẾT LUẬN

Thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một vấn đề tương đối rộng, chiếm một vị trí rất quan trọng trong hệ thống các thủ tục tố tụng bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hình sự. Thông qua việc xét xử tại phiên tòa, mọi tài liệu, chứng cứ của vụ án do Cơ quan điều tra thu thập được đều được đưa ra xem xét một cách công khai, cũng tại phiên tòa quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng được thể hiện một cách đầy đủ nhất. Thông qua phiên tòa có thể đánh giá được trình độ nghiệp vụ của Thẩm phán, của Hội thẩm, của Kiểm sát viên, của Luật sư và những người tham gia tố tụng tố tụng thạc. Cũng thông qua phiên tòa mà Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Luật sư nâng cao được trình độ nghiệp vụ năng lực công tác và kỹ năng nghề nghiệp; Thông qua phiên tòa, những người dự phiên tòa hiểu biết thêm về pháp luật, củng cố thêm lòng tin vào Tòa án. Vì vậy, việc tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tốt có tác dụng to lớn không chỉ đối với một vụ án cụ thể mà còn có tác dụng đối với việc nâng cao ý thức pháp luật cho mọi công dân.

Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong tố tụng hình sự phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, dân chủ và phải tuân thủ các trình tự, thủ tục tố tụng hình sự do pháp luật quy định. Đây là cơ sở để đánh giá tính hợp pháp của các bản án, quyết định sơ thẩm và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì những hạn chế, bất cập trong tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn có một số nguyên nhân như: hệ thống pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự còn chưa được đồng bộ, thống nhất; năng lực, trình độ của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đặc biệt là Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Luật sư chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động xét xử của Tòa án còn hạn chế...

Để khắc phục những hạn chế, bất cập trong tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp của đất nước trong bối cảnh hiện

nay, chúng ta cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp về hoàn thiện pháp luật cũng như áp dụng pháp luật và các giải pháp khác để quá trình tố tụng hình sự nói chung và hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại phiên tòa nói riêng sẽ đạt được những yêu cầu mới mà công cuộc cải cách tư pháp đang đặt ra trong hiện tại và tương lai

Do đó, nếu tổ chức được phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tốt sẽ đảm bảo được tính dân chủ trong hoạt động tư pháp. Thực tiễn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án trong thời gian qua có thể thấy rằng các quy định của BLTTHS năm 2015 về vấn đề này tương đối chặt chẽ, có tính hệ thống. Nhờ đó đã phát huy hiệu quả trong công tác xét xử, góp phần vào việc giải quyết vụ án được chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Qua nghiên cứu, luận văn đã làm rõ được một số vấn đề lý luận về cách thức tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bao gồm: Phân tích và đưa ra các các nguyên tắc cơ bản, chủ thể tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng, biên bản phiên tòa, nội quy phiên tòa, giới hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Bên cạnh đó, luận văn đã đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự và văn bản hướng dẫn về phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, làm rõ được những kết quả đạt được và những vấn đề còn tồn tại, vướng mắc và nêu nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc đó. Từ đó, tác giả đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả pháp luật tố tụng hình sự nói chung và phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự nói riêng. Tác giả mong muốn rằng những kiến nghị trong luận văn này sẽ được các nhà làm luật xem xét, từ đó có thể hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự trong đó có các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2016), *Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII - Đảng cộng sản Việt Nam*.
2. Trần Duy Bình (2012), *Thực tiễn và một số kiến nghị nhằm bảo đảm thực hiện nguyên tắc “khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 11), tr.18 - 40.
3. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết 08NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*.
4. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49NQ/TW ngày 02/6/2005 Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
5. Nguyễn Hữu Chính (2012), *Một số vấn đề về tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 13), tr.1 – 5;9.
6. Nguyễn Đăng Dung (2006), *Nhà nước và trách nhiệm Nhà nước*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
7. Phạm Hồng Hải (2003), *Mô hình lý luận BLTTHS Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Học viện tư pháp(2012),*Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự*, Nxb Công an nhân dân.
9. Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao (2004), *Nghị quyết 04/2004 ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn phân xét xử sơ thẩm*.
10. Phạm Mạnh Hùng (2018)), *Bình luận khoa học BLTTHS*, Nhà xuất bản lao động.
11. Duy Kiên (2012), *Những vấn đề cơ bản về thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 16), tr.5 – 12.
12. Nguyễn Thái Phúc (2007), *Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí khoa học pháp lý, (số 5), tr. 45-56.
13. Nguyễn Thái Phúc (2007), *Mô hình tố tụng hình sự pha trộn*, Kỷ yếu : Đề án mô hình tố tụng hình sự Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội

14. Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
15. Đinh Văn Quế (2000), *Thủ tục xét xử sơ thẩm trong Luật TTHS Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
16. Đinh Văn Quế (1999), *Về hình thức tổ chức và thủ tục xét xử của phiên tòa hình sự*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 130), tr. 45-55.
17. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự 2003*, Nxb Chính trị Quốc gia.
18. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự 2015*, Nxb Chính trị Quốc gia.
19. Hoàng Thị Minh Sơn (2009), *Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục phiên tòa sơ thẩm nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí luật học, (số 10), tr.59 - 65.
20. Nguyễn Thị Kim Thanh(2010), *Những hạn chế trong quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về giới hạn việc xét xử sơ thẩm*, Tạp chí Tòa án nhân dân,(số 20), tr.12-16.
21. Nguyễn Trương Tín (2008), *Một số vấn đề về sự tham gia tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm trong điều kiện cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân,(số 19), tr.12-17; 36.
22. Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, *Báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, TP.HCM các năm, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*.
23. Trường đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân.
24. Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
25. Nguyễn Văn Trọng (2010), *Cần sửa đổi, bổ sung một số thủ tục tố tụng tại phiên tòa hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 6), tr.16-21.
26. Nguyễn Văn Trọng (2008), *Thực trạng tranh tụng tại phiên tòa hình sự và việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 13), tr.2-10.

27. Đào Trí Úc (2011), *Tổng quan về mô hình tố tụng hình sự Việt Nam thực trạng và phương hướng hoàn thiện*, Tham luận tại hội thảo “Hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp - kinh nghiệm CHLB Đức” do Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Quỹ Hợp tác quốc tế về pháp luật CHLB Đức phối hợp tổ chức, Hà Nội.

28. Trần Quốc Văn (2009), *Bàn về quy định trình tự phát biểu khi tranh luận tại phiên toà hình sự sơ thẩm*, Tạp chí toà án nhân dân, (số 16), tr.6-10.

29. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2010), *Số chuyên đề về mô hình tố tụng hình sự Việt Nam*.

30. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý – Bộ Tư Pháp (1999), *Tư pháp hình sự so sánh*.

31. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học BLTTHS*, Nhà xuất bản công an nhân dân.